

Lời mở đầu

Bằng hệ thống các phương pháp khoa học, kế toán đã thể hiện được tính ưu việt của mình trong việc bao quát tình hình tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách đầy đủ, chính xác. Báo cáo tài chính là sản phẩm quan trọng nhất của quy trình kế toán, nó là công cụ cơ bản để công bố thông tin kế toán của doanh nghiệp. Do vậy mà việc phân tích các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính nói chung và phân tích bảng cân đối kế toán nói riêng là một công việc vô cùng cần thiết và quan trọng.

Nhận thấy được tầm quan trọng của phân tích báo cáo tài chính, đặc biệt là phân tích bảng cân đối kế toán, cùng với sự hướng dẫn tận tình của Thầy giáo, Thạc sỹ Vũ Hùng Quyết và các cán bộ kế toán trong phòng kế toán của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng, em đã chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng**” làm đề tài khoá luận tốt nghiệp.

Nội dung khoá luận của em gồm 3 chương :

Chương 1 : Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

Chương 3 : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

Do hiểu biết và thời gian còn hạn chế nên khoá luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý chỉ bảo của các thầy cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung về hệ thống báo cáo tài chính của Doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kế toán.

- Báo cáo tài chính là báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của Doanh nghiệp, là nguồn cung cấp thông tin về tình hình tài chính của Doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu về quản lý của Doanh nghiệp, cơ quan quản lý Nhà nước và nhu cầu của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế của mình.

- Báo cáo tài chính là bắt buộc đối với các Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, được quy định thống nhất về danh mục các báo cáo, mẫu biểu và hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp lập, nơi gửi báo cáo tài chính và thời gian gửi báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính là nguồn cung cấp thông tin quan trọng không chỉ đối với Doanh nghiệp mà còn phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài Doanh nghiệp, như các cơ quan quản lý Nhà nước, các nhà đầu tư, các chủ nợ và các đối tượng khác có liên quan.

+ *Đối với nhà quản trị Doanh nghiệp* : Một trong những vấn đề mà các nhà quản trị luôn luôn quan tâm đó là cạnh tranh để tìm kiếm nguồn vốn, thuyết phục các nhà đầu tư và các chủ nợ rằng họ sẽ đem lại mức lợi nhuận cao nhất với mức độ rủi ro thấp nhất. Để thực hiện điều đó, các nhà quản trị Doanh nghiệp phải công bố công khai các thông tin trên báo cáo tài chính định kỳ về hoạt động của Doanh nghiệp. Ngoài ra các nhà quản trị Doanh nghiệp còn sử dụng báo cáo tài chính để tiến hành quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

+ *Đối với các nhà đầu tư, các chủ nợ* : Các nhà đầu tư, chủ nợ muốn được cung cấp thông tin về tình hình sử dụng vốn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời của Doanh nghiệp. Từ đó họ có cơ sở tin cậy để quyết định đầu tư vào Doanh

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

ngiệp, hay cho Doanh nghiệp vay. Khi tình hình tài chính của Doanh nghiệp khả quan, khi Doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, khả năng sinh lời cao và bền vững thì việc quyết định đầu tư, cho vay là tất yếu.

+ *Đối với Nhà nước* : báo cáo tài chính cung cấp thông tin cần thiết giúp cho việc thực hiện chức năng quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, giúp cho các cơ quan tài chính Nhà nước thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với hoạt động của Doanh nghiệp, đồng thời làm cơ sở cho việc tính thuế và các khoản phải nộp của Doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

+ *Đối với các kiểm toán viên độc lập* : Các nhà đầu tư và cung cấp tín dụng có lý do để lo lắng rằng các nhà quản lý có thể bóp méo các báo cáo tài chính do họ cung cấp nhằm mục đích kiếm nguồn vốn hoạt động. Vì vậy, các nhà đầu tư và tín dụng đòi hỏi các nhà quản lý phải bỏ tiền ra thuê các kiểm toán viên độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính, các nhà quản lý đương nhiên phải chấp thuận vì họ cần vốn. Như vậy, báo cáo tài chính đóng vai trò như là đối tượng của kiểm toán viên độc lập.

1.1.2. Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 – “ Trình bày báo cáo tài chính”, gồm:

- Trung thực và hợp lý.

- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với quy định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy, khi :

+ Trình bày trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp.

+ Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.

+ Trình bày khách quan, không thiên vị.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

- + Tuân thủ nguyên tắc thận trọng.
- + Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khoá sổ kế toán. Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký, đóng dấu của đơn vị.

1.1.3. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ 6 nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21- “Trình bày báo cáo tài chính”:

- Hoạt động liên tục:

Báo cáo tài chính phải được lập độc lập trên cơ sở giả định Doanh nghiệp hoạt động liên tục và ít nhất vẫn còn hoạt động bình thường trong tương lai gần. Khi đó báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc mà không quan tâm đến giá thị trường.

- Cơ sở dồn tích:

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính liên quan đến Doanh nghiệp phải được ghi sổ vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ, không cần quan tâm đến việc đã thu hay đã chi tiền hay chưa. Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của Doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

- Nhất quán:

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi :

- + Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của Doanh nghiệp hay khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện.

- + Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi

- Trọng yếu và tập hợp:

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

- *Bù trừ* :

+ Các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trình bày trên báo cáo tài chính không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ.

+ Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác, chi phí chỉ được bù trừ khi :

- Được quy định tại một chuẩn mực kế toán khác; hoặc
- Các khoản lãi, lỗ và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch và các sự kiện giống nhau hoặc tương tự và không có tính trọng yếu. Các khoản này cần được tập hợp lại với nhau phù hợp với quy định của “trọng yếu và tập hợp”.

- *Có thể so sánh* :

Các thông tin bằng số liệu kế toán trong báo cáo tài chính nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán phải được trình bày tương ứng với các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính của kỳ trước (bao gồm cả các thông tin diễn giải bằng lời cần thiết).

➤ Việc thuyết minh báo cáo tài chính phải căn cứ yêu cầu trình bày thông tin quy định trong các chuẩn mực kế toán. Các thông tin trọng yếu phải được giải trình để giúp người đọc hiểu đúng thực trạng tình hình tài chính của Doanh nghiệp.

1.1.4. Hệ thống báo cáo tài chính của Doanh nghiệp.

Hệ thống báo cáo tài chính gồm báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính năm

Báo cáo tài chính năm, gồm:

- | | |
|--|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B 01 - DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B 02 - DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B 03 - DN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B 09 - DN |

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ và báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược.

(1) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng đầy đủ): Mẫu số B 01a – DN;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (dạng đầy đủ): Mẫu số B 02a – DN;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (dạng đầy đủ): Mẫu số B 03a – DN;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc: Mẫu số B 09a – DN.

(2) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng tóm lược): Mẫu số B 01b – DN;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (dạng tóm lược): Mẫu số B 02b – DN;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (dạng tóm lược): Mẫu số B 03b – DN;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc: Mẫu số B 09a – DN.

1.1.4.1. Trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính

(1) Tất cả các Doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế đều phải lập và trình bày báo cáo tài chính năm.

Các công ty, Tổng công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc, ngoài việc phải lập báo cáo tài chính năm của công ty, Tổng công ty còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm dựa trên báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trực thuộc công ty, Tổng công ty.

(2) Đối với DNNN, các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán còn phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ.

Các Doanh nghiệp khác nếu tự nguyện lập báo cáo tài chính giữa niên độ thì được lựa chọn dạng đầy đủ hoặc tóm lược.

Đối với Tổng công ty Nhà nước và DNNN có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

(3) Công ty mẹ và tập đoàn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ. Ngoài ra còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất sau khi hợp nhất kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 11 “Hợp nhất kinh doanh”.

1.1.4.2. Kỳ báo cáo tài chính

Kỳ lập báo cáo tài chính năm

Các Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, Doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ là mỗi quý của năm tài chính (không bao gồm quý IV).

Kỳ lập báo cáo tài chính khác

Các Doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác (như tuần, tháng, 6 tháng, 9 tháng...) theo yêu cầu của pháp luật, của công ty mẹ hoặc của chủ sở hữu.

Đơn vị kế toán bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản phải lập báo cáo tài chính tại thời điểm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản.

1.1.4.3. Thời hạn nộp

Đối với Doanh nghiệp Nhà nước

a) Thời hạn nộp báo cáo tài chính quý:

- Đơn vị kế toán phải nộp báo cáo tài chính quý chậm nhất là 20 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý; đối với Tổng công ty nhà nước chậm nhất là 45 ngày;

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

- Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng công ty nhà nước nộp báo cáo tài chính quý cho Tổng công ty theo thời hạn do Tổng công ty quy định.

b) Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm:

- Đơn vị kế toán phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với Tổng công ty nhà nước chậm nhất là 90 ngày;

- Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng công ty nhà nước nộp báo cáo tài chính năm cho Tổng công ty theo thời hạn do Tổng công ty quy định.

Đối với các loại doanh nghiệp khác

a) Đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với các đơn vị kế toán khác, thời hạn nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày;

b) Đơn vị kế toán trực thuộc nộp báo cáo tài chính năm cho đơn vị kế toán cấp trên theo thời hạn do đơn vị kế toán cấp trên quy định.

✎ Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, nơi nhận báo cáo tài chính được quy định cụ thể như sau :

CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP (4)	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế (2)	Cơ quan Thống kê	DN cấp trên (3)	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, năm	x (1)	x	x	x	x
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	x	x	x	x	x
3. Các loại doanh nghiệp khác	Năm		x	x	x	x

(1) Đối với các Doanh nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải lập và nộp báo cáo tài chính cho Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương còn phải nộp báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).

- Đối với các loại Doanh nghiệp Nhà nước như: Ngân hàng thương mại, công ty xổ số kiến thiết, tổ chức tín dụng, Doanh nghiệp bảo hiểm, công ty kinh doanh

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

chứng khoán phải nộp báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính ngân hàng). Riêng Công ty kinh doanh chứng khoán còn phải nộp báo cáo tài chính cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(2) Các Doanh nghiệp phải gửi báo cáo tài chính cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế tại địa phương. Đối với các Tổng công ty Nhà nước còn phải nộp báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế).

(3) DNNN có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp báo cáo tài chính cho đơn vị kế toán cấp trên. Đối với Doanh nghiệp khác có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp báo cáo tài chính cho đơn vị cấp trên theo quy định của đơn vị kế toán cấp trên.

(4) Đối với các Doanh nghiệp mà pháp luật quy định phải kiểm toán báo cáo tài chính thì phải kiểm toán trước khi nộp báo cáo tài chính theo quy định. Báo cáo tài chính của các Doanh nghiệp đã thực hiện kiểm toán phải đính kèm báo cáo kiểm toán vào báo cáo tài chính khi nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước và Doanh nghiệp cấp trên.

1.2. Bảng cân đối kế toán và phương pháp lập bảng cân đối kế toán.

1.2.1. Mục đích của bảng cân đối kế toán.

- Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của Doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

- Số liệu trên bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của Doanh nghiệp theo cơ cấu của tài sản, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp.

1.2.2. Nguyên tắc lập và trình bày bảng cân đối kế toán.

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 21 “Trình bày báo cáo tài chính” khi lập và trình bày bảng cân đối kế toán phải tuân thủ các nguyên tắc chung về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, trên bảng cân đối kế toán, các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt thành Ngắn hạn và Dài hạn tùy theo thời gian của chu kỳ kinh doanh bình thường của Doanh nghiệp, cụ thể như sau :

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

a) Đối với Doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường trong vòng 12 tháng thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành Ngắn hạn và Dài hạn theo điều kiện sau :

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại Ngắn hạn.

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng tới trở lên kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại Dài hạn.

b) Đối với Doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường dài hơn 12 tháng thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành Ngắn hạn và Dài hạn theo điều kiện sau:

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại Ngắn hạn.

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian dài hơn một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại Dài hạn.

c) Đối với các Doanh nghiệp do tính chất hoạt động không thể dựa vào chu kỳ kinh doanh để phân biệt giữa Ngắn hạn và Dài hạn thì các Tài sản và Nợ phải trả sẽ được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.

1.2.3. Cơ sở số liệu lập bảng cân đối kế toán.

- Căn cứ vào số liệu Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái các tài khoản.
- Căn cứ vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết hoặc Bảng tổng hợp chi tiết.
- Căn cứ vào bảng cân đối kế toán năm trước.

1.2.4. Nội dung và phương pháp lập bảng cân đối kế toán.

1.2.4.1. Nội dung của bảng cân đối kế toán.

Bảng cân đối kế toán có thể có kết cấu theo chiều dọc hoặc theo chiều ngang. Nhưng dù theo kết cấu nào thì bảng cân đối kế toán đều được chia làm 2 phần : Phần Tài sản và Phần nguồn vốn.

Ở mỗi phần của bảng cân đối kế toán đều có 5 cột theo trình tự : “Tài sản” hoặc “Nguồn vốn”, “Mã số”, “Thuyết minh”, “Số cuối năm”, “Số đầu năm”.

Ngoài phần kết cấu chính, bảng cân đối kế toán còn có phần phụ : Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Biểu 1.1. Kết cấu bảng cân đối kế toán (Tóm tắt)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày...tháng...năm...

Đơn vị tính: ...

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100			
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
IV.Hàng tồn kho	140			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150			
B.TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200			
I.Các khoản phải thu dài hạn	210			
II.Tài sản cố định	220			
III.Bất động sản đầu tư	240	V.12		
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
V.Tài sản dài hạn khác	260			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270			
NGUỒN VỐN				
A.NỢ PHẢI TRẢ(300=310+330)	300			
I.Nợ ngắn hạn	310			
II.Nợ dài hạn	330			
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400			
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.22		
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440			

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp			

1.2.4.2. Phương pháp lập bảng cân đối kế toán.

- Cột “Mã số” dùng để cộng khi lập báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

- Cột “Thuyết minh” là số hiệu các chỉ tiêu trong bản thuyết minh báo cáo tài chính năm thực hiện số liệu chi tiết của các chỉ tiêu này trong bảng cân đối kế toán.

- Cột “Số đầu năm” được lấy số liệu từ cột “Số đầu năm” của từng chỉ tiêu tương ứng của bảng cân đối kế toán được lập vào cuối năm trước.

- Cột “Số cuối năm” được lấy số liệu từ số dư cuối kỳ của các tài khoản tổng hợp và chi tiết phù hợp với từng chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán để ghi.

PHẦN TÀI SẢN

A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (MÃ SỐ 100)

Mã số 100 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150

I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)

1. Tiền (Mã số 111)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm : Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 111 “Tiền mặt”, 112 “Tiền gửi ngân hàng”, 113 “Tiền đang chuyển” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

2. Các khoản tương đương tiền (Mã số 112)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK 121 “Đầu tư chứng khoán ngắn hạn” trên Sổ chi tiết TK 121.

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120)

Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 129

1. Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 121)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 121 “Đầu tư chứng khoán ngắn hạn” và TK 128 “Đầu tư ngắn hạn khác” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái sau khi trừ đi các khoản đầu tư ngắn hạn đã được tính vào chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền”.

2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Mã số 129)

Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 129 “Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

III. Các khoản phải thu ngắn hạn (Mã số 130)

$$\text{Mã số 130} = \text{Mã số 131} + \text{Mã số 132} + \text{Mã số 133} + \text{Mã số 134} + \text{Mã số 138} \\ + \text{Mã số 139}$$

1. Phải thu của khách hàng (Mã số 131)

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết TK 131 “Phải thu khách hàng” mở theo từng khách hàng trên sổ kế toán chi tiết TK 131, chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn.

2. Trả trước cho người bán (Mã số 132)

Phản ánh số tiền đã trả trước cho người bán mà chưa nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, tài sản cố định, bất động sản đầu tư tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết TK 331 “Phải trả cho người bán” mở theo từng người bán trên sổ kế toán chi tiết TK 331.

3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (Mã số 133)

Phản ánh các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong các quan hệ thanh toán ngoài quan hệ giao vốn, có thời hạn thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết TK 1368 “Phải thu nội bộ khác” trên sổ kế toán chi tiết TK 1368.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

4. Phải thu theo tiến độ, kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 134)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ TK 337 “Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng” trên Sổ cái.

5. Các khoản phải thu khác (Mã số 138)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản phải thu khác từ các đối tượng liên quan tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này tổng số dư Nợ của các TK 1385, 1388, 334, 338 trên sổ kế toán chi tiết.

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (Mã số 139)

Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 139 “Dự phòng phải thu khó đòi” trên sổ kế toán chi tiết.

IV. Hàng tồn kho (Mã số 140)

Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 149

1. Hàng tồn kho (Mã số 141)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 151 “Hàng mua đang đi đường”, 152 “Nguyên liệu vật liệu”, 153 “Công cụ dụng cụ”, 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”, 155 “Thành phẩm”, 156 “Hàng hoá”, 157 “Hàng gửi đi bán” và 158 “Hàng hoá kho bảo thuế” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149)

Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

V. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 150)

Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152 + Mã số 154 + Mã số 158

1. Chi phí trả trước ngắn hạn (Mã số 151)

Phản ánh số tiền đã thanh toán cho một số khoản chi phí nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo. Số liệu

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 142 “Chi phí trả trước ngắn hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

2. Thuế GTGT được khấu trừ (Mã số 152)

Chỉ tiêu này phản ánh số thuế GTGT còn được khấu trừ và số thuế GTGT còn được hoàn lại đến cuối năm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Mã số 154)

Chỉ tiêu này phản ánh số thuế và các khoản khác nộp thừa cho Nhà nước tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ chi tiết TK 333 “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước” trên Sổ kế toán chi tiết.

4. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 158)

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị tài sản ngắn hạn khác. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 1381 “Tài sản thiếu chờ xử lý”, 141 “Tạm ứng”, 144 “Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

B. TÀI SẢN DÀI HẠN (Mã số 200)

Mã số 200 = Mã số 210 + Mã số 220 + Mã số 240 + Mã số 250 + Mã số 260

I. Các khoản phải thu dài hạn (Mã số 210)

Mã số 210 = Mã số 211 + Mã số 212 + Mã số 213 + Mã số 218 + Mã số 219

1. Phải thu dài hạn của khách hàng (Mã số 211)

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng được xếp vào loại tài sản dài hạn tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào chi tiết số dư Nợ của TK 131 “Phải thu của khách hàng” mở chi tiết theo từng khách hàng.

2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 212)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 1361 “Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc” trên Sổ kế toán chi tiết TK 136.

3. Phải thu dài hạn nội bộ (Mã số 213)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là chi tiết số dư Nợ của TK 1368 “Phải thu nội bộ khác” trên Sổ kế toán chi tiết TK 1368, chi tiết các khoản phải thu nội bộ dài hạn.

4. Phải thu dài hạn khác (Mã số 218)

Phản ánh các khoản phải thu khác từ các đối tượng có liên quan được xếp vào loại tài sản dài hạn, các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn và khoản ứng trước cho người bán dài hạn. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết các TK 138, 331, 338 trên Sổ kế toán chi tiết các TK 1388, 331, 338.

5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (Mã số 219)

Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 139 “Dự phòng phải thu khó đòi”, chi tiết dự phòng phải thu dài hạn khó đòi.

II. Tài sản cố định (Mã số 220)

$$\text{Mã số 220} = \text{Mã số 221} + \text{Mã số 224} + \text{Mã số 227} + \text{Mã số 230}$$

1. Tài sản cố định hữu hình (Mã số 221)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định hữu hình tại thời điểm báo cáo.

$$\text{Mã số 221} = \text{Mã số 222} + \text{Mã số 223}$$

- Nguyên giá (Mã số 222) : Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Nợ TK 211 “Tài sản cố định hữu hình” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 223) : Số liệu chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 2141 “Hao mòn tài sản cố định hữu hình” trên Sổ kế toán chi tiết TK 2141.

2. Tài sản cố định thuê tài chính (Mã số 224)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định thuê tài chính tại thời điểm báo cáo.

$$\text{Mã số 224} = \text{Mã số 225} + \text{Mã số 226}$$

- Nguyên giá (Mã số 225) : Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Nợ TK 212 “Tài sản cố định thuê tài chính” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 226) : Số liệu chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Có TK 2142 “Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính” trên Sổ kế toán chi tiết TK 2142.

3. Tài sản cố định vô hình (Mã số 227)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị còn lại của các loại tài sản cố định vô hình tại thời điểm báo cáo.

$$\text{Mã số 227} = \text{Mã số 228} + \text{Mã số 229}$$

- Nguyên giá (Mã số 228) : Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Nợ TK 212 “Tài sản cố định vô hình” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 229) : Số liệu chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Có TK 2143 “Hao mòn tài sản cố định vô hình” trên Sổ kế toán chi tiết TK 2143.

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 230)

Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 241 “Xây dựng cơ bản dở dang” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

III. Bất động sản đầu tư (Mã số 240)

$$\text{Mã số 240} = \text{Mã số 241} + \text{Mã số 242}$$

- Nguyên giá (Mã số 241) : Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Nợ TK 217 “Bất động sản đầu tư” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 242) : Số liệu chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Có TK 2147 “Hao mòn bất động sản đầu tư” trên Sổ kế toán chi tiết TK 2147.

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 250)

$$\text{Mã số 250} = \text{Mã số 251} + \text{Mã số 252} + \text{Mã số 258} + \text{Mã số 259}$$

1. Đầu tư vào công ty con (Mã số 251)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 221 “Đầu tư vào công ty con” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (Mã số 252)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 222 “Vốn góp liên doanh” và 223 “Đầu tư vào công ty liên kết” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

3. Đầu tư dài hạn khác (Mã số 258)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm : đầu tư trái phiếu, cho vay vốn ... Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 228 “Đầu tư dài hạn khác” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 259)

Phản ánh các khoản dự phòng cho sự giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm báo cáo. Số liệu chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 229 “Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

V. Tài sản dài hạn khác (Mã số 260)

$$\text{Mã số 260} = \text{Mã số 261} + \text{Mã số 262} + \text{Mã số 268}$$

1. Chi phí trả trước dài hạn (Mã số 261)

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí trả trước dài hạn nhưng chưa phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh đến cuối kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ TK 242 “Chi phí trả trước dài hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Mã số 262)

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ TK 243 “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

3. Tài sản dài hạn khác (Mã số 268)

Chỉ tiêu này dùng để phản ánh các khoản tiền Doanh nghiệp đem ký quỹ, ký cược dài hạn và giá trị tài sản dài hạn khác. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ TK 244 “Ký quỹ, ký cược dài hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

Tổng cộng tài sản (Mã số 270) Mã số 270 = Mã số 100 + Mã số 200

PHẦN NGUỒN VỐN

A. NỢ PHẢI TRẢ (Mã số 300)

Mã số 300 = Mã số 310 + Mã số 330

I. Nợ ngắn hạn (Mã số 310)

Mã số 310 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315
+ Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320

1. Vay và nợ ngắn hạn (Mã số 311)

Phản ánh tổng giá trị các khoản Doanh nghiệp đi vay ngắn hạn các ngân hàng, công ty tài chính, các đối tượng khác và các khoản nợ ngắn hạn tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 311 “Vay ngắn hạn” và TK 315 “Nợ dài hạn đến hạn trả” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

2. Phải trả cho người bán (Mã số 312)

Phản ánh số tiền phải trả cho người bán có thời hạn thanh toán dưới một năm hoặc dưới một chu kỳ kinh doanh tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có chi tiết TK 331 “Phải trả cho người bán” trên sổ kế toán chi tiết TK 331.

3. Người mua trả tiền trước (Mã số 313)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 131 trên sổ kế toán chi tiết.

4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 314)

Phản ánh tổng số Doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm báo cáo, bao gồm : Các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” trên Sổ kế toán chi tiết TK 333.

5. Phải trả người lao động (Mã số 315)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 334 “Phải trả người lao động” trên Sổ kế toán chi tiết TK 334.

6. Chi phí phải trả (Mã số 316)

Phản ánh các khoản đã tính trước vào chi phí hoạt động kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 335 “Chi phí phải trả” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

7. Phải trả nội bộ (Mã số 317)

Phản ánh các khoản phải trả nội bộ ngắn hạn giữa đơn vị cấp trên và đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc trong Doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư chi tiết TK 336 “Phải trả nội bộ” trên Sổ chi tiết TK 336.

8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 318)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có TK 337 “Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Mã số 319)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Có TK 338 “Phải trả phải nộp khác”, TK 138 “Phải thu khác” trên Sổ kế toán chi tiết.

10. Dự phòng phải trả ngắn hạn (Mã số 320)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 352 “Dự phòng phải trả” trên Sổ kế toán chi tiết TK 352.

II. Nợ dài hạn (Mã số 330)

1. Phải trả dài hạn người bán (Mã số 331)

Chỉ tiêu này phản ánh số tiền phải trả cho người bán được xếp vào loại nợ dài hạn tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết TK 331 mở theo từng người bán.

2. Phải trả dài hạn nội bộ (Mã số 332)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có TK 336 trên Sổ kế toán chi tiết TK 333 (Chi tiết các khoản phải trả nội bộ được xếp vào loại nợ dài hạn).

3. Phải trả dài hạn khác (Mã số 333)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có chi tiết TK 338 và TK 344 “Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái TK 344 và Sổ kế toán chi tiết TK 338 (chi tiết phải trả dài hạn).

4. Vay và nợ dài hạn (Mã số 334)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có TK 341 “Vay dài hạn”, 342 “Nợ dài hạn” và kết quả tìm được của số dư Có TK 3431 trừ dư Nợ TK 3432 cộng dư Có TK 3433 trên Sổ kế toán chi tiết TK 343.

5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Mã số 335)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 347 “Thuế thu nhập hoãn lại phải trả” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm (Mã số 336)

Chỉ tiêu này phản ánh quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm chưa sử dụng tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư TK 351 “Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

7. Dự phòng phải trả dài hạn (Mã số 337)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết TK 352 “Dự phòng phải trả” trên Sổ kế toán chi tiết TK 352 (Chi tiết các khoản dự phòng phải trả dài hạn).

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Mã số 400)

Mã số 400 = Mã số 410 + Mã số 430

I. Vốn chủ sở hữu (Mã số 410)

Mã số 410 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415
+ Mã số 416 + Mã số 417 + Mã số 418 + Mã số 419 + Mã số 420 + Mã số 421

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411)

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ vốn đầu tư (vốn góp) của chủ sở hữu vào Doanh nghiệp như vốn đầu tư của Nhà nước (đối với công ty Nhà nước), vốn góp của các cổ đông (đối với công ty cổ phần) ... Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4111 “Vốn đầu tư của chủ sở hữu” trên Sổ kế toán chi tiết TK 4111.

2. Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)

Chỉ tiêu này phản ánh thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm báo cáo của công ty cổ phần. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Có của TK 4112 “Thặng dư vốn cổ phần” trên Sổ kế toán chi tiết TK 4112.

3. Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 4118 “Vốn khác” trên Sổ kế toán chi tiết TK 4118.

4. Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)

Chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 419 trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 415)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 412 “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

6. Chênh lệch tỉ giá hối đoái (Mã số 416)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch tỉ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 413 trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

7. Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 417)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Có TK 414 “Quỹ đầu tư phát triển” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

8. Quỹ dự phòng tài chính (Mã số 418)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 415 “Quỹ dự phòng tài chính” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

9. Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu (Mã số 419)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 418 “Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

10. Lợi nhuận chưa phân phối (Mã số 420)

Chỉ tiêu này phản ánh số lãi (lỗ) chưa được quyết toán hoặc chưa phân phối tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Mã số 421)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 441 “Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

II. Nguồn kinh phí, quỹ khác (Mã số 430)

$$\text{Mã số 430} = \text{Mã số 431} + \text{Mã số 432} + \text{Mã số 433}$$

1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi (Mã số 431)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 431 “Quỹ khen thưởng phúc lợi” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

2. Nguồn kinh phí (Mã số 432)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số chênh lệch giữa số dư có TK 461 “Nguồn kinh phí sự nghiệp” với số dư Nợ TK 161 “Chi sự nghiệp” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định (Mã số 433)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có TK 466 “Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

Tổng cộng Nguồn vốn (Mã số 440) Mã số 440 = Mã số 300 + Mã số 400

Tổng cộng Tài sản (Mã số 270) = Tổng cộng Nguồn vốn (Mã số 440)

✎ Một số điểm cần lưu ý khi lập Bảng cân đối kế toán.

- Một số tài khoản điều chỉnh ghi âm bên phần Tài sản được ghi trong dấu ngoặc đơn. Đó là các tài khoản dự phòng (TK 129, 139, 159, 229) và hao mòn tài sản cố định (TK 214).

- Một số tài khoản được ghi âm bên phần Nguồn vốn nếu có dư nợ. Đó là các tài khoản 412 “Chênh lệch đánh giá lại tài sản”, TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” và TK 419 “Cổ phiếu quỹ”.

- Khoản trả trước cho người bán và khoản phải trả cho người bán; khoản phải thu khách hàng và khoản người mua ứng tiền trước không được bù trừ khi lập bảng cân đối kế toán mà phải dựa vào các sổ chi tiết để phản ánh vào từng chỉ tiêu phù hợp với quy định.

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán.

- Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán phản ánh những tài sản không thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp nhưng Doanh nghiệp đang quản lý hoặc sử dụng và một số chỉ tiêu bổ sung không thể phản ánh trong bảng cân đối kế toán.

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ số dư Nợ của các TK 001 “Tài sản thuê ngoài”, 002 “Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công”, 003 “Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược”, 004 “Nợ khó đòi đã xử lý”, 007 “Ngoại tệ các loại”, 008 “Dự toán chi sự nghiệp” trên Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

1.3. Phân tích tài chính Doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán.

1.3.1. Sự cần thiết của phân tích tài chính Doanh nghiệp.

Xuất phát từ nhu cầu thông tin về tình hình tài chính của chủ Doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm khác, phân tích tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhằm :

- Cung cấp thông tin để đánh giá rủi ro từ hoạt động đầu tư, cho vay của nhà đầu tư, ngân hàng...

- Cung cấp thông tin về khả năng tạo ra tiền và tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Doanh nghiệp.

- Làm rõ sự biến đổi của tài sản, nguồn vốn và các tác nhân gây ra sự biến đổi đó.

- Kiểm tra, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán chi phí sản xuất; giá vốn, doanh thu sản phẩm vật tư hàng hoá đã tiêu thụ; tình hình chi phí, thu nhập của hoạt động khác và kết quả kinh doanh sau một kỳ kế toán.

Trên cơ sở đó có thể đề xuất biện pháp hữu hiệu và ra các quyết định cần thiết để nâng cao chất lượng công tác quản lý kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp.

1.3.2. Phương pháp phân tích tài chính Doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán.

Phương pháp phân tích tài chính Doanh nghiệp bao gồm hệ thống các công cụ và biện pháp nhằm tiếp cận, nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng, các chỉ tiêu tổng hợp, các chỉ tiêu có tính chất đặc thù nhằm đánh giá toàn diện thực trạng hoạt động tài chính của Doanh nghiệp.

1.3.2.1. Phương pháp so sánh.

So sánh là một phương pháp nhằm nghiên cứu xu hướng phát triển và xác định mức độ biến động của chỉ tiêu phân tích, để từ đó đánh giá sự biến động và mức độ biến động của chỉ tiêu đó là tốt hay xấu.

Để áp dụng phương pháp so sánh cần đảm bảo 2 yêu cầu sau :

- Điều kiện so sánh : Khi so sánh, các chỉ tiêu tài chính phải thống nhất về không gian và thời gian, về nội dung kinh tế, về phương pháp tính các chỉ tiêu, về đơn vị tính (kể cả hiện vật, giá trị và thời gian).

- Tiêu chuẩn so sánh : Tiêu chuẩn so sánh là chỉ tiêu được chọn làm căn cứ so sánh (kỳ gốc để so sánh). Tùy theo yêu cầu phân tích mà chọn căn cứ thích hợp; như khi nghiên cứu tốc độ tăng trưởng thì kỳ gốc là số liệu của kỳ trước, khi nghiên cứu biến động thực tế so với mục tiêu đặt ra thì kỳ gốc là số liệu của kỳ kế hoạch...

Khi phân tích, nhà phân tích thường :

+ So sánh giữa số thực hiện kỳ này với số thực hiện kỳ trước để thấy rõ xu hướng thay đổi về tình hình tài chính Doanh nghiệp. Đánh giá sự tăng trưởng hay giảm sút trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

+ So sánh giữa số thực hiện với số kế hoạch để thấy mức độ phấn đấu của Doanh nghiệp.

+ So sánh số liệu của Doanh nghiệp với số liệu trung bình của ngành, của các Doanh nghiệp khác để đánh giá tình hình tài chính của Doanh nghiệp mình tốt hay xấu.

+ So sánh theo chiều dọc để xem xét tỷ trọng của từng chỉ tiêu so với tổng thể, so sánh theo chiều ngang của nhiều kỳ để thấy được sự biến đổi cả về số tương đối và tuyệt đối của một chỉ tiêu nào đó qua các niên độ kế toán liên tiếp.

1.3.2.2. Phương pháp tỷ số.

Phương pháp tỷ số là phương pháp phản ánh kết cấu, mối quan hệ giữa các chỉ tiêu tài chính và sự biến động của lượng tài chính thông qua hàng loạt tỷ số theo chuỗi thời gian liên tục và theo từng giai đoạn.

Trong phân tích tài chính Doanh nghiệp, các tỷ số tài chính được phân thành các nhóm tỷ số đặc trưng, phản ánh những nội dung cơ bản theo các mục tiêu hoạt động của Doanh nghiệp. Đó là các nhóm tỷ số về khả năng thanh toán, nhóm tỷ số về khả năng cân đối vốn, nhóm tỷ số về năng lực hoạt động kinh doanh, nhóm tỷ số về khả năng sinh lời.

Mỗi nhóm tỷ số lại bao gồm nhiều nhiều tỷ số phản ánh riêng lẻ, từng bộ phận của hoạt động tài chính trong mỗi trường hợp khác nhau, tùy theo góc độ phân tích, người phân tích lựa chọn các nhóm tỷ số khác nhau để phục vụ mục tiêu phân tích tài chính của mình.

Chọn đúng các tỷ số và tiến hành phân tích chúng chắc chắn ta sẽ đánh giá được tình hình tài chính. Phân tích số tỷ số có thể làm bộc lộ ra các xu thế biến động mà các xu thế này thường khó xác định bằng sự kiểm tra riêng rẽ các bộ phận cấu thành tỷ số.

Tuy nhiên, một tỷ số riêng lẻ không mang lại nhiều ý nghĩa, do vậy khi phân tích tỷ số chúng ta cần phải có sự so sánh.

- So sánh các tỷ số của Doanh nghiệp với các Doanh nghiệp khác trong ngành và với các tiêu chuẩn của ngành để có được những nhận định về vị thế của Doanh nghiệp trên thị trường, sức mạnh tài chính của Doanh nghiệp so với đối thủ cạnh tranh.

- So sánh các tỷ số của Doanh nghiệp theo thời gian để thấy được xu thế biến động của tỷ số là tốt lên hay xấu đi.

1.3.2.3. Phương pháp số cân đối.

Trong hoạt động sản xuất của Doanh nghiệp hình thành nhiều mối quan hệ cân đối. Cân đối là sự cân bằng về lượng giữa hai mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh.

Phương pháp này thường kết hợp với phương pháp so sánh nhằm có được sự đánh giá toàn diện hơn về tài chính của Doanh nghiệp.

Ngoài ba phương pháp trên, phương pháp số chênh lệch và phương pháp thay thế liên hoàn cũng được sử dụng để phân tích.

1.3.3. Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán.

1.3.3.1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính của Doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu chủ yếu trên bảng cân đối kế toán.

Đánh giá khái quát tình hình tài chính là việc xem xét, nhận định về sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của Doanh nghiệp. Công việc này sẽ cung cấp cho nhà quản lý biết được thực trạng tài chính cũng như đánh giá được sức mạnh tài chính của Doanh nghiệp, nắm bắt được tình hình tài chính của Doanh nghiệp là khả quan hay không khả quan. Để đánh giá khái quát tình hình tài chính cần tiến hành :

+ Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản : thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản cuối kỳ so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được mức độ hợp lý của việc phân bổ (Biểu 1.2)

+ Phân tích tình hình biến động và cơ cấu trên tổng số nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm (Biểu 1.3)

+ Phân tích mối quan hệ giữa tài sản với nguồn vốn, khi phân tích thường tính ra và so sánh các chỉ tiêu sau :

$$\text{Hệ số nợ so với tài sản} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tài sản}}$$

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

$$\text{Hệ số tài sản so với} \\ \text{vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Biểu 1.2. Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch		Tỷ trọng(%)	
			Số tiền (đ)	Tỉ lệ (%)	Số đầu năm	Số cuối năm
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN						
I.Tiền và các khoản TĐ tiền						
II.Các khoản đầu tư TC ngắn hạn						
III.Các khoản phải thu ngắn hạn						
IV.Hàng tồn kho						
V.Tài sản ngắn hạn khác						
B.TÀI SẢN DÀI HẠN						
I.Các khoản phải thu dài hạn						
II.Tài sản cố định						
III.Bất động sản đầu tư						
IV.Các khoản đầu tư TC dài hạn						
V.Tài sản dài hạn khác						
Tổng cộng tài sản						

Biểu 1.3. Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch		Tỷ trọng(%)	
			Số tiền (đ)	Tỉ lệ (%)	Số đầu năm	Số cuối năm
A. NỢ PHẢI TRẢ						
I.Nợ ngắn hạn						
II.Nợ dài hạn						
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU						
I.Vốn chủ sở hữu						
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác						
Tổng cộng nguồn vốn						

1.3.2.2. Phân tích tình hình và khả năng thanh toán của Doanh nghiệp

a) Phân tích tình hình thanh toán

Tình hình công nợ phản ánh quan hệ chiếm dụng trong thanh toán khi nguồn bù đắp cho tài sản dự trữ thiếu, Doanh nghiệp đi chiếm dụng vốn, ngược lại khi nguồn bù đắp cho tài sản dư thừa Doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn. Nếu phần vốn đi chiếm dụng lớn hơn phần vốn bị chiếm dụng thì Doanh nghiệp có thêm một phần vốn đưa vào quá trình sản xuất kinh doanh. Ngược lại Doanh nghiệp sẽ giảm bớt vốn.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Biểu 1.4. Bảng phân tích tình hình thanh toán

Đơn vị tính: đồng

CÁC KHOẢN PHẢI THU	Năm trước	Năm nay	Chênh lệch	
			Số tiền	%
1. Phải thu khách hàng				
2. Trả trước người bán				
3. Phải thu nội bộ				
4. Phải thu khác				
5. Tạm ứng				
6. Chi phí trả trước				
7. Chi phí chờ kết chuyển				
8. Tài sản thiếu chờ xử lý				
9. Thế chấp, ký cược				
10. Dự phòng phải thu khó đòi				
Cộng				
CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ				
1. Nợ dài hạn đến hạn trả				
2. Phải trả người bán				
3. Người mua trả trước				
4. Thuế và các khoản phải nộp				
5. Phải trả công nhân viên				
6. Phải trả nội bộ				
7. Các khoản phải trả khác				
8. Chi phí phải trả				
9. Tài sản thiếu chờ xử lý				
10. Vay ngắn hạn				
Cộng				

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

b) Phân tích khả năng thanh toán

Để phân tích khả năng thanh toán, ta xét các chỉ tiêu sau :

$$\begin{aligned} \text{Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}} \\ \text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh} &= \frac{\text{Tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}} \\ \text{Hệ số khả năng thanh toán hiện hành} &= \frac{\text{Tổng tài sản hiện có}}{\text{Tổng nợ phải trả}} \end{aligned}$$

1.3.2.3. Phân tích khả năng sinh lời

Phản ánh tổng hợp hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu năng quản lý của Doanh nghiệp.

Ta phân tích thông qua một số chỉ tiêu sau :

$$\text{Lợi nhuận / Tổng vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận (EBIT)}}{\text{Tổng vốn}}$$

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng vốn bỏ ra thì Doanh nghiệp thu về bao nhiêu đồng lợi nhuận.

$$\text{Lợi nhuận / Vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra thì Doanh nghiệp thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

Chương 2 :
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
CHI LĂNG

2.1. Khái quát chung về công ty.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

Hoạt động kinh doanh Gas độc lập mới chỉ hình thành từ năm 1999 cùng với sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của đất nước. Trước đó, tức là giai đoạn năm 1998 trở về trước, các công ty xăng dầu trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đều kinh doanh Gas thông qua các xí nghiệp trực thuộc.

Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của hoạt động kinh doanh Gas độc lập, tháng 5 năm 2005, công ty TNHH thương mại Chi Lăng đã được thành lập. Công ty được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0202002635 của Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được những kết quả nhất định, góp một phần nhỏ vào sự phát triển chung của thành phố.

Tên giao dịch: Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Tên viết tắt : CHILANG Co.,ltd

Mã số thuế: 0200625351

Số điện thoại: 0313.538.359

Địa chỉ: 381 Đường 5 cũ - An Trì - Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng

Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là công ty TNHH hai thành viên, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh.

Hiện nay, công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh lần thứ ba vào ngày 08 tháng 03 năm 2008, tạo điều kiện cho công ty hoạt động kinh doanh hợp pháp, chấp hành đúng theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

2.1.2.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH thương mại Chi Lăng kinh doanh chủ yếu hai mặt hàng là : khí hoá lỏng LPG và VM Gas.

Ngoài ra, từ tháng 12 năm 2009, công ty cũng cung cấp ra thị trường các thiết bị và phụ kiện được sử dụng với LPG như : bình Gas, van bình, bồn chứa Gas.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kinh doanh khí hoá lỏng Nam Định là nhà cung cấp chính của công ty. Doanh thu từ việc kinh doanh khí hoá lỏng chiếm khoảng 90% doanh thu của công ty. Công ty vẫn luôn cố gắng đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty và đầu tư vào trang thiết bị, mua sắm tài sản cố định, phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.1.2.2. Chiến lược phát triển.

Chiến lược thị trường: Hiện tại công ty đang là nhà cung cấp cho rất nhiều công ty, đại lý Gas không chỉ trong Hải Phòng mà còn mở rộng sang các tỉnh lân cận như Quảng Ninh, Hải Dương. Công ty nhận định việc mở rộng thị trường là điều kiện cần thiết để công ty ngày càng phát triển. Chính vì vậy mà công ty sẽ tiếp tục nâng cao năng lực kinh doanh, quản trị dự trữ hàng, củng cố khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới, phân tích, tìm hiểu vùng thị trường còn trống.

Chiến lược phân phối : Đặc thù kinh doanh của công ty là lĩnh vực thương mại nên việc tiếp tục hoàn thiện và phát triển đa dạng các kênh phân phối tại các vùng thị trường trọng điểm là rất quan trọng. Ngoài việc bán hàng đơn thuần, công ty còn chú trọng công tác dịch vụ kỹ thuật và công tác dịch vụ sau bán hàng để tạo niềm tin nơi khách hàng.

Chiến lược giá : Thị trường Gas Việt Nam trong những năm gần đây là một trong những thị trường cạnh tranh gay gắt về giá. Tuy vậy, công ty vẫn luôn xác định mức giá phù hợp với thị trường trên cơ sở khả năng tài chính của Công ty.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Chiến lược nguồn nhân lực : Nhân tố con người luôn là nhân tố có ý nghĩa quan trọng nhất trong mọi hoạt động. Hiểu được tầm quan trọng của việc đó, công ty đã rất chú trọng công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên, phát triển nguồn nhân lực trẻ. Công ty cũng có những chính sách khen thưởng , kỷ luật để mỗi nhân viên tự nâng cao ý thức, tinh thần làm việc.

2.1.3.Những khó khăn, thuận lợi của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng trong suốt thời gian qua.

Trải qua 5 năm xây dựng và phát triển, công ty TNHH thương mại Chi Lăng đã đạt được những kết quả nhất định. Công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp phải không ít khó khăn.

2.1.3.1.Thuận lợi.

Công ty có nguồn nhân lực trẻ, năng động, hăng say trong lao động. Ngoài ra, bộ máy quản lý của công ty khá gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả. Ban lãnh đạo là những người giàu kinh nghiệm, biết khai thác mọi thế mạnh của công ty.

Máy móc, trang thiết bị, tài sản cố định của công ty luôn được quan tâm chú trọng. Chính vì vậy mà công ty luôn đáp ứng được nhanh chóng, kịp thời nhu cầu vận chuyển hàng hoá cho khách hàng.

Bên cạnh đó, công ty được hình thành trên địa bàn có điều kiện giao thông thuận lợi, góp phần không nhỏ cho quá trình tiêu thụ của công ty.

Công ty không những duy trì tốt quan hệ với các khách hàng truyền thống mà còn tăng cường mở rộng hợp tác với các bạn hàng khác với mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh.

2.1.3.2.Khó khăn.

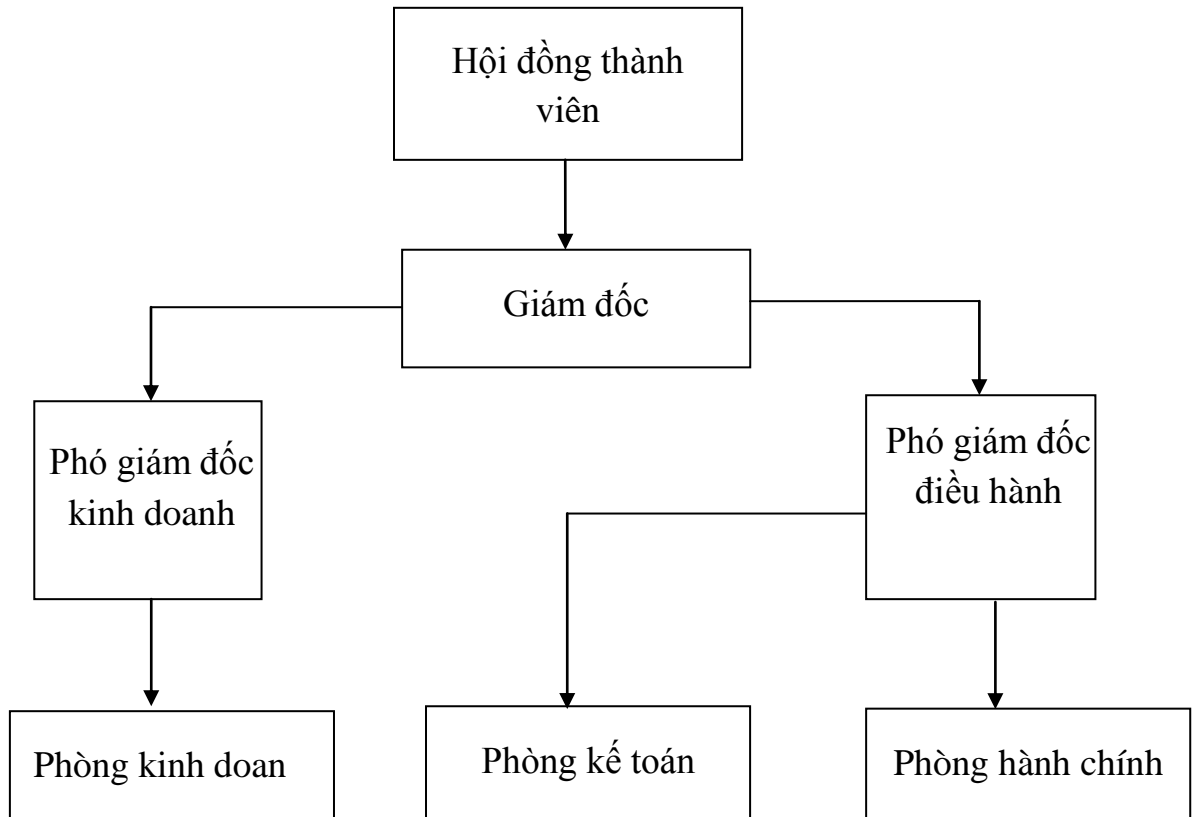
Thị trường Gas là một thị trường ‘nhạy cảm’ với giá bán. Công ty đã gặp nhiều khó khăn khi tình hình giá Gas biến động thất thường. Năm 2007 khi giá Gas thế giới và giá Gas trong nước biến động tăng, giảm không theo quy luật đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới công ty. Khi giá thị trường tăng, công ty buộc phải tăng

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

giá và như vậy làm ảnh hưởng đến công tác bán hàng cũng như công tác quản trị hàng dự trữ.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại Chi Lăng được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

Công ty TNHH thương mại Chi Lăng được xây dựng theo cơ cấu quản lý tổ chức điều hành hệ trực tuyến chức năng, cơ cấu tổ chức tương đối gọn nhẹ và hợp lý.

Bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng :

- **Hội đồng thành viên** : Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- **Giám đốc** : Là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi hoạt động giao dịch, chịu trách nhiệm chung về các mặt hoạt động của toàn Công ty.
- **Phó giám đốc** : Công ty có hai phó giám đốc : Phó giám đốc kinh doanh và Phó giám đốc điều hành.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

+ **Phó giám đốc kinh doanh**: Có trách nhiệm quản lý chung phòng kinh doanh, thay mặt Giám đốc thực hiện các hợp đồng, tham mưu cho Giám đốc các chiến lược bán hàng nhằm thu được kết quả cao nhất. Đồng thời Phó giám đốc kinh doanh cũng phải thường xuyên báo cáo cho Giám đốc tình hình kinh doanh của Công ty để Giám đốc kịp thời đưa ra những biện pháp giải quyết nếu gặp phải khó khăn.

+ **Phó giám đốc điều hành** : Là người giúp việc cho Giám đốc trong việc quản lý chung các phòng ban của Công ty.

- **Phòng kế toán** : Thực hiện nhiệm vụ hạch toán, tham mưu, giúp việc cho Giám đốc để thực hiện nghiêm túc các quy định kế toán – tài chính hiện hành, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch về vốn và tạo vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng kế hoạch đề ra.

- **Phòng kinh doanh** : Có trách nhiệm tư vấn cho khách hàng về chất lượng, giá cả của từng loại Gas, lập chương trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh tế.

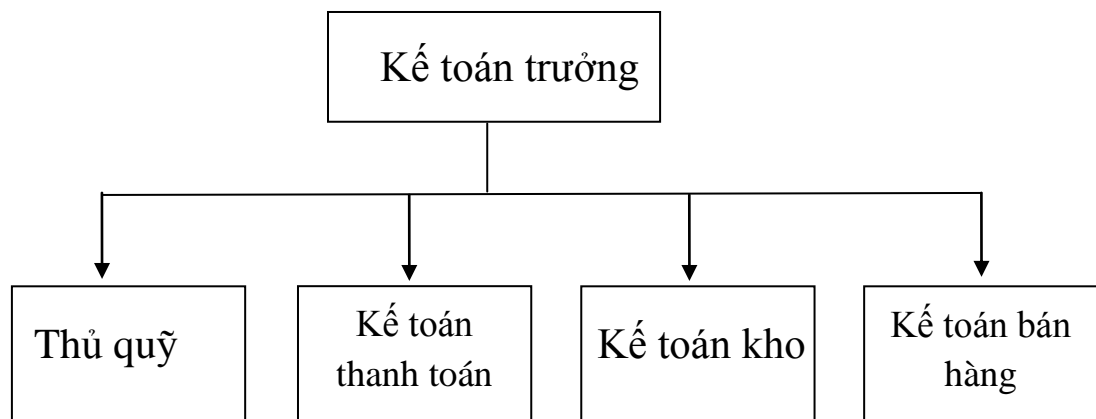
- **Phòng hành chính** : Tham mưu cho Giám đốc về công tác quy hoạch cán bộ, chính sách liên quan đến người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Qua thực tế nhận thấy, mặc dù cơ cấu bộ máy quản lý tương đối đơn giản, gọn nhẹ nhưng hiệu quả làm việc khá cao, đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

2.1.5. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

Cũng giống như tổ chức bộ máy quản lý, cơ cấu kế toán của Công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ. Bộ máy kế toán gồm 5 người, mỗi người có một chức năng, nhiệm vụ khác nhau được tổ chức theo sơ đồ sau :



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

- **Kế toán trưởng** : Là người điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình Giám đốc, đồng thời phải duyệt quyết toán quý, năm theo đúng chế độ; tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý quá trình sản xuất. Kế toán trưởng đồng thời phụ trách kế toán tiêu thụ và tính toán kết quả kinh doanh.

- **Thủ quỹ** : Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt, quản lý quỹ của Công ty.

- **Kế toán kho** : Phản ánh đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình biến động về giá cả hàng hoá, tính toán chính xác giá của từng loại mặt hàng nhập, xuất, tồn kho, đảm bảo cung cấp kịp thời thông tin cho yêu cầu quản lý hàng hoá của Công ty.

- **Kế toán thanh toán** : Là người chịu trách nhiệm trong việc theo dõi các khoản nợ của Công ty cũng như các khoản nợ của khách hàng với Công ty. Theo dõi chi tiết từng khoản nợ với từng khách hàng và nhà cung cấp.

- **Kế toán bán hàng** : Thực hiện nhiệm vụ liên lạc với khách hàng nhằm tìm kiếm đơn đặt hàng và phụ trách bán hàng tại gian trưng bày.

2.1.5.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản của Công ty.

Hiện nay, Công ty đang vận dụng hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Đơn vị tiền tệ sử dụng là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng : “**Nhật ký chung**” .

Hệ thống sổ áp dụng trong Công ty : Nhật ký chung, sổ Cái các tài khoản, sổ Chi tiết, bảng Tổng hợp chi tiết, bảng Cân đối số phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên.

Tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

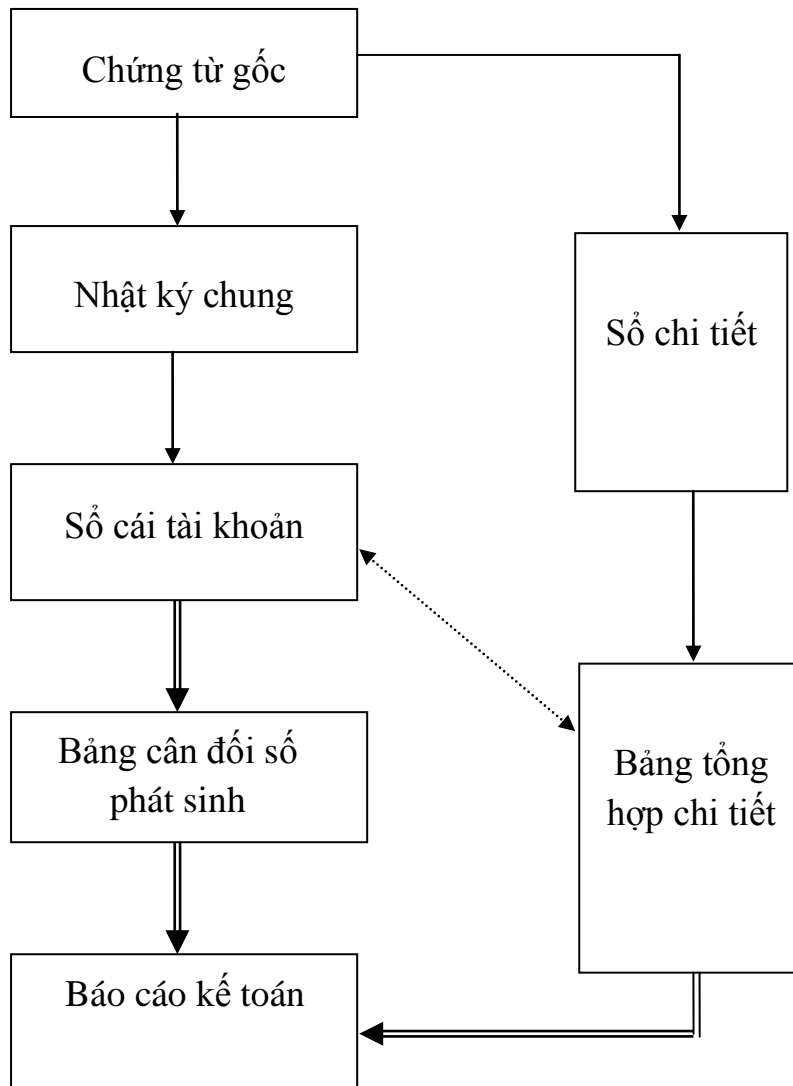
2.1.5.3. Tổ chức sổ kế toán của Công ty.

Đề phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế, hiện nay Công ty đang áp dụng sổ sách kế toán theo hình thức “ Nhật ký chung”.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung và Sổ chi tiết đối với các tài khoản cần theo dõi chi tiết. Căn cứ số liệu ghi trên Nhật ký chung, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu trên Sổ chi tiết để đưa vào Bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đối chiếu số liệu giữa Bảng tổng hợp chi tiết và Sổ cái tài khoản, từ số liệu trên các Sổ cái, kế toán lập Bảng cân đối tài khoản (Bảng cân đối số phát sinh).

Cuối quý, cuối năm, căn cứ vào số liệu ở Bảng cân đối số tài khoản (Bảng cân đối số phát sinh) và Bảng tổng hợp chi tiết để lập các báo cáo kế toán.



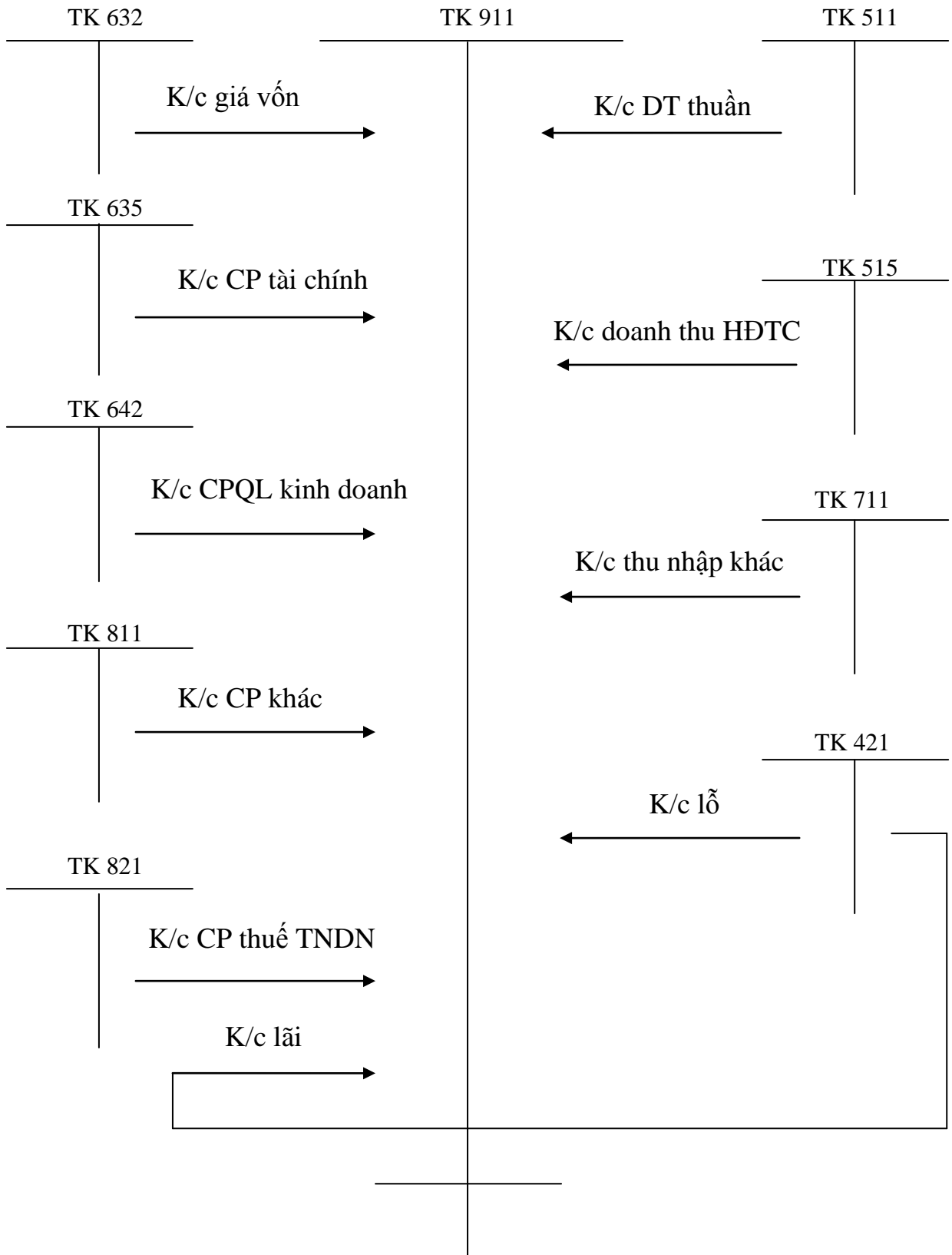
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

➤ Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung: Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản (Bảng cân đối số phát sinh) phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ kế toán tổng hợp các bút toán kết chuyển trung gian.



Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Bước 3 : Kiểm kê tài sản và xử lý kiểm kê.

Đối với Công ty TNHH thương mại Chi Lăng, việc kiểm kê định kỳ được thực hiện vào cuối năm. Ngoài ra Công ty còn duy trì chế độ kiểm kê bất thường nhằm mục đích tăng cường công tác quản lý tài sản của Công ty. Trường hợp kiểm kê có thừa thiếu tài sản thì kế toán lập biên bản xử lý kiểm kê, căn cứ vào biên bản đó và các chứng từ có liên quan kế toán thực hiện ghi sổ nghiệp vụ xử lý kiểm kê nói trên.

Bước 4 : Khoá sổ kế toán chính thức.

Kế toán căn cứ vào việc kiểm soát các chứng từ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập các sổ sách kế toán có liên quan, cuối kỳ lập các bút toán kết chuyển trung gian, khoá các Sổ cái, Sổ kế toán chi tiết, các bảng tổng hợp chi tiết.

Số liệu ghi trên Sổ cái dùng để kiểm tra, đối chiếu với số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung, các sổ thẻ chi tiết để lập Bảng cân đối tài khoản.

Để khoá sổ các sổ kế toán, kế toán phải hoàn tất việc ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian là công việc cuối cùng cần thực hiện trước khi khoá sổ kế toán.

Để có được số liệu ghi vào Sổ cái các tài khoản, hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được kế toán Công ty ghi vào sổ Nhật ký chung dựa trên các chứng từ gốc. Cuối tháng, số phát sinh của mỗi tài khoản được phản ánh trên Sổ cái theo tổng số lấy từ Sổ chi tiết theo từng tài khoản đối ứng có liên quan.

Bước 5 : Lập bảng cân đối tài khoản.

Trước khi lập bảng cân đối kế toán, Công ty đã tiến hành lập bảng cân đối tài khoản là bảng cân đối của tất cả các tài khoản sử dụng trong hệ thống sổ kế toán của Doanh nghiệp. Bảng được lập nhằm mục đích kiểm tra tính cân đối giữa tổng số dư Nợ và dư Có cuối kỳ của các tài khoản thể hiện trên bảng cân đối tài khoản. Đối chiếu số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ của các tài khoản thể hiện trên bảng cân đối tài khoản với số dư cuối kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ trên Sổ cái, Sổ chi tiết.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Bước 6 : Lập bảng cân đối kế toán.

Việc lập bảng cân đối kế toán được dựa trên cơ sở bảng cân đối kế toán năm 2008 và bảng cân đối tài khoản năm 2009. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán được xác định như sau :

- Cột số “Đầu năm” căn cứ vào số liệu của cột số “Cuối năm” trên bảng cân đối kế toán năm 2008.

- Cột số “Cuối năm” được lập bằng cách lấy số dư cuối kỳ trên Sổ cái và Sổ chi tiết của các tài khoản liên quan.

Lập các chỉ tiêu :

PHẦN TÀI SẢN

A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (Mã số 100) (100= 110+120+130+140+150)

Số tiền : **9.230.830.014** đồng.

I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110) (110=111+112)

Số tiền : 2.711.005.313 đồng.

1. Tiền (Mã số 111) : Số liệu trên chỉ tiêu này được lấy từ số dư Nợ TK 111, 112 trên Sổ cái, với số tiền 2.711.005.313 đồng.

2. Các khoản tương đương tiền (Mã số 112)

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120) (120=121+129)

Công ty không phát sinh mục này.

1. Đầu tư ngắn hạn (Mã số 121)

2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Mã số 129)

III. Các khoản phải thu (Mã số 130) (130=131+132+133+134+138+139)

Số tiền : 4.194.881.881 đồng.

1. Phải thu của khách hàng (Mã số 131): Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết TK 131 mở theo từng khách hàng trên Sổ chi tiết. Số tiền 4.194.881.881 đồng.

2. Trả trước cho người bán (Mã số 132)

3. Phải thu nội bộ (Mã số 133)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 134)

5. Các khoản phải thu khác (Mã số 138)

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (Mã số 159)

IV. Hàng tồn kho (Mã số 140) ($140=141+149$)

Số tiền : 2.213.556.699 đồng.

1. Hàng tồn kho (Mã số 141): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 156 trên Sổ cái. Số tiền : 2.213.556.699 đồng.

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149)

V. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 150) ($150=151+152+158$)

Số tiền : 111.386.121 đồng

1. Chi phí trả trước ngắn hạn (Mã số 151)

2. Các khoản thuế phải thu (Mã số 152) : Số liệu của chỉ tiêu này căn cứ vào số dư bên Nợ của TK 133 trên Sổ cái. Số tiền : 111.386.121 đồng

3. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 158)

B. TÀI SẢN DÀI HẠN (Mã số 200) ($200=210+220+240+250+260$)

Số tiền : **4.632.190.727** đồng.

I. Các khoản phải thu dài hạn (Mã số 210)

Công ty không phát sinh mục này.

II. Tài sản cố định (Mã số 220) ($220=221+224+227+230$)

Số tiền : 2.401.370.727 đồng.

1. Tài sản cố định hữu hình (Mã số 221) ($221=222+223$)

- Nguyên giá (Mã số 222) : Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Nợ TK 211 trên Sổ cái, số tiền: 2.890.076.805 đồng.

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 223) : Dựa vào số dư bên Có TK 214 trên Sổ cái để ghi vào chỉ tiêu này, số tiền : (488.706.078) đồng.

$Mã số 221 = 2.890.076.805 + (488.706.078) = 2.401.370.727$ đồng.

2. Tài sản cố định thuê tài chính (Mã số 224) ($224=225+226$)

- Nguyên giá (Mã số 225)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 226)

3. Tài sản cố định vô hình (Mã số 227) ($227=228+229$)

- Nguyên giá (Mã số 228)

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 229)

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 230)

III. Bất động sản đầu tư (Mã số 240) ($240=241+242$)

Công ty không phát sinh mục này.

- Nguyên giá (Mã số 241)

- Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 242)

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 250) ($250=251+252+258+259$)

Công ty không phát sinh mục này.

1. Đầu tư vào công ty con (Mã số 251)

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (Mã số 252)

3. Đầu tư dài hạn khác (Mã số 258)

4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Mã số 259)

V. Tài sản dài hạn khác (Mã số 260) ($260=261+262+268$)

Số tiền : 2.230.820.000 đồng.

1. Chi phí trả trước dài hạn (Mã số 261)

2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Mã số 262)

3. Tài sản dài hạn khác (Mã số 268): Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên Nợ TK 242 trên Sổ cái, số tiền : 2.230.820.000 đồng.

Tổng cộng tài sản (Mã số 270) = Mã số 100 + Mã số 200

= 9.230.830.014 + 4.632.190.727

= 13.863.020.741 đồng

PHẦN NGUỒN VỐN

A. NỢ PHẢI TRẢ (Mã số 300) ($300=310+320$)

Số tiền : **12.644.067.547** đồng.

I. Nợ ngắn hạn (Mã số 310) ($310=311+312+313+314+315+316+317+318+319$)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

Số tiền : 12.626.173.184 đồng.

1. *Vay và nợ ngắn hạn (Mã số 311)* : Chỉ tiêu này được lập dựa vào số liệu dư Có của TK 311 trên Sổ cái, số tiền : 6.500.000.000 đồng
 2. *Phải trả cho người bán (Mã số 312)*: Căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết TK 331, số tiền : 6.126.173.184 đồng.
 3. *Người mua trả tiền trước (Mã số 313)*
 4. *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 314)*
 5. *Phải trả công nhân viên (Mã số 315)*
 6. *Chi phí phải trả (Mã số 316)*
 7. *Phải trả nội bộ (Mã số 317)*
 8. *Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 318)*
 9. *Các khoản phải trả, phải nộp khác (Mã số 319)*
- II. *Nợ dài hạn (Mã số 320) (320=321+322+323+324+325)*

Số tiền : 17.894.363 đồng.

1. *Phải trả người bán (Mã số 321)*
2. *Phải trả dài hạn nội bộ (Mã số 322)*
3. *Phải trả dài hạn khác (Mã số 323)*
4. *Vay và nợ dài hạn (Mã số 324)*
5. *Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Mã số 325)*: Căn cứ vào số dư bên có TK 3334, số tiền : 17.894.363 đồng.

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Mã số 400) (400=410+420)

Số tiền : **1.218.953.194** đồng.

I. *Vốn chủ sở hữu (Mã số 410) (410=411+412+413+414+415+416+417+418+419)*

Số tiền : 1.218.953.194 đồng.

1. *Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411)* : Căn cứ vào số dư Có TK 411 trên Sổ cái, số tiền : 1.500.000.000 đồng.
2. *Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)*
3. *Cổ phiếu ngân quỹ (Mã số 413)*
4. *Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 414)*

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

5. *Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 415)*
6. *Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 416)*
7. *Quỹ dự phòng tài chính (Mã số 417)*
8. *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 418)*
9. *Lợi nhuận chưa phân phối (Mã số 419)* : Số liệu chỉ tiêu này dựa vào số dư bên Nợ TK 421, số tiền (281.046.806) đồng.

II. Nguồn kinh phí, quỹ khác (Mã số 420) (420=421+422+423)

Công ty không phát sinh mục này.

1. *Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Mã số 421)*
2. *Nguồn kinh phí (Mã số 422)*
3. *Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (Mã số 423)*

Tổng cộng nguồn vốn (Mã số 430) = Mã số 300 + Mã số 400
$$= 12.626.067.547 + 1.218.593.194$$
$$= \mathbf{13.863.020.741}$$
 đồng.

Bước 7 : Kiểm tra bảng cân đối kế toán.

Sau khi lập được bảng cân đối kế toán, kế toán trưởng Công ty sẽ tiến hành kiểm tra sự cân đối lần cuối trước khi trình lên Giám đốc và các cơ quan quản lý.

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

Biểu 2.1. Sổ cái 111

Công ty TNHH TM Chi Lăng
Đường 5 cũ - Hồng Bàng - Hp

SỔ CÁI
Năm 2009 (trích)
Tên tài khoản : Tiền mặt
Số hiệu : 111

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
		SDDK				1.354.791.442	
		SPS trong kỳ					
						
HD 0001706	12/12/09	Bán KHL LPG - L12 cho cty Cp cảng Vật cách	56	09	3331	535.050	
HD 0001706	12/12/09	Bán KHL LPG - L12 cho cty Cp cảng Vật cách		10	5111	5.350.500	
HD 0018803	12/12/09	Bán KHL LPG - L45 cho cty CP container VN		12	3331	818.182	
HD 0018803	12/12/09	Bán KHL LPG - L45 cho cty CP container VN		13	5111	8.181.818	
						
		Cộng phát sinh				26.735.182.905	25.387.653.138
		SDCK				2.702.321.209	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

Biểu 2.2. Sổ cái 112

Công ty TNHH TM Chi Lăng
Đường 5 cũ - Hồng Bàng - Hp

SỔ CÁI

Năm 2009 (trích)

Tên tài khoản : Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu : 112

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
		SDDK				813.806.754	
		SPS trong kỳ					
						
BC 200	15/12/09	Khí CN Việt Nam thanh toán tiền hàng	57	05	131-KHICN	29.139.414	
BN 188	15/12/09	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt		06	1111		150.000.000
						
		Cộng phát sinh				31.256.385.647	32.061.508.279
		SDCK				8.684.104	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

Biểu 2.3. Sổ cái 131

Công ty TNHH TM Chi Lăng
Đường 5 cũ - Hồng Bàng - Hp

SỔ CÁI

Năm 2009 (trích)

Tên tài khoản : Phải thu của khách hàng

Số hiệu : 131

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
		SDDK				845.935.703	
		SPS trong kỳ					
						
BC220	20/12/09	Cty TNHH TM Trung Sơn thanh toán tiền hàng	59	03	112		15.000.000
HD 0001802	20/12/09	Bán khí hoá lỏng LPG- L12 cho Cty Cp Cảng vật tư		11	3331	546.000	
HD 0001802	20/12/09	Bán khí hoá lỏng LPG – L12 cho Cty Cp Cảng vật tư		12	5111	5.460.000	
						
		Cộng phát sinh				14.950.772.142	11.601.825.964
		SDCK				4.194.881.881	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng*

Biểu 2.4. Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản : 131

Năm 2009 (Trích)

Stt	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
	Cty TNHH TM Thế Kỷ	230.384.467		657.546.775	356.443.532	531.487.710	
	Cty TNHH TM Hải Đăng			678.908.224	435.664.332	243.243.892	
	Cty TNHH TM Trung Sơn	434.568.543		2.456.697.326	589.643.853	2.301.622.016	
	Cty TNHH TM Tân Tâm			1.597.457.678	907.556.738	689.900.940	
	...						
	Cộng	845.935.703		14.950.772.142	11.601.825.964	4.194.881.881	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Giám đốc

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

Biểu 2.5. Sổ cái 331

Công ty TNHH TM Chi Lăng
Đường 5 cũ - Hồng Bàng - Hp

SỔ CÁI

Năm 2009 (trích)

Tên tài khoản : Phải trả người bán

Số hiệu : 331

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
		SĐĐK					1.257.590.413
						
HD 0012089	18/12/09	Mua VM gas loại bình 12 kg của Cty TNHH đầu tư và sản xuất Nam Anh			1561		22.718.052
HD 0012089	18/12/09	Mua VM gas loại bình 12 kg của Cty TNHH đầu tư và sản xuất Nam Anh			1331		227.180.520
BN192	18/12/09	Vay ngắn hạn chuyên trả tiền hàng cho Cty TNHH MTV KHL Nam Định			311	750.101.428	
						
		Cộng phát sinh				29.029.727.272	33.898.310.043
		SĐCK					6.126.173.184

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

Biểu 2.6. Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán
BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản : 331

Năm 2009 (Trích)

Stt	Tên người bán	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty CP kd KHL Miền Bắc		22.367.096	658.384.963	680.074.960		44.057.093
2	Cty TNHH ĐT và SX Nam Anh			468.558.353	843.855.733		375.297.380
3	Cty TNHH MTV kd KHL Nam Định		925.050.738	20.206.830.063	22.590.753.368		3.308.974.038
4	Cty TNHH TM Quỳnh Anh		310.172.579	7.516.031.857	9.579.446.053		2.373.586.775
5	Cty TNHH VT ô tô nội thương bắc			179.922.037	204.179.934		24.257.897
	Tổng cộng		1.257.590.413	29.029.727.272	33.898.310.043		6.126.173.184

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Giám đốc

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

Biểu 2.7. Bảng cân đối tài khoản

Công ty TNHH TM Chi Lăng
Đường 5 cũ - Hồng Bàng - HP

Mẫu số F01- DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Năm 2009

Đơn vị tính : VND

Số hiệu TK	Tên TK	Số dư đầu năm		Số phát sinh		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8
111	Tiền mặt	1.354.791.442		26.735.182.905	25.387.653.138	2.702.321.209	
112	Tiền gửi ngân hàng	813.806.754		31.256.385.647	32.061.508.297	8.648.104	
131	Phải thu của khách hàng	845.935.703		14.950.772.142	11.601.825.964	4.194.881.881	
133	Thuế GTGT được khấu trừ	159.661		3.137.738.061	3.026.511.601	111.386.121	
156	Hàng hoá	1.133.234.953		28.966.934.585	27.886.612.839	2.213.556.699	
211	TSCĐ hữu hình	827.864.544		2.062.212.261	-	2.890.076.805	
214	Hao mòn TSCĐ		262.909.710	-	225.796.368		488.706.078
244	Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.958.820.000		272.000.000		2.230.820.000	
311	Vay ngắn hạn		2.920.738.528	18.458.161.908	22.037.423.380		6.500.000.000

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

331	Phải trả người bán		1.257.590.413	29.029.727.272	33.898.310.043		6.126.173.184
3331	Thuế GTGT phải nộp			3.026.511.601	3.026.511.601		
3334	Thuế TNDN	11.491.571		21.976.472	51.362.406		17.894.363
3338	Thuế môn bài			1.000.000	1.000.000		
3383	BHXH			27.133.582	27.133.582		
334	Phải trả CNV			905.580.000	905.580.000		
341	Vay dài hạn		1.440.000.000	1.440.000.000			
411	Nguồn vốn kinh doanh		1.500.000.000	-	-		1.500.000.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	435.134.023		-	154.087.217	281.046.806	
511	Doanh thu bán hàng			30.580.796.065	30.580.796.065		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			4.456.510	4.456.510		
632	Giá vốn hàng bán			27.886.612.839	27.886.612.839		
635	Chi phí tài chính			277.460.870	277.460.870		
642	Chi phí quản lý DN			2.992.441.110	2.992.441.110		
711	Thu nhập khác			810.179.910	810.179.910		
8212	CP thuế TNDN hoãn lại			33.468.043	33.468.043		
911	Xác định kqkd			31.395.432.485	31.395.432.485		
Tổng cộng		7.381.238.651	7.381.238.651	254.272.164.268	254.272.164.268	14.632.773.625	14.632.773.625

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Giám đốc

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Biểu 2.8. Bảng cân đối kế toán

Công ty TNHH TM Chi Lăng
Đường 5 cũ - Hồng Bàng – HP

Mẫu số B01-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2009

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		9.230.830.014	4.159.420.084
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.711.005.313	2.168.598.196
1.Tiền	111	1	2.711.005.313	2.168.598.196
2.Các khoản tương đương tiền	112	1		
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	1		
2.Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.194.881.881	845.935.703
1.Phải thu của khách hàng	131	2	4.194.881.881	845.935.703
2.Trả trước cho người bán	132			
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	2		
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5.Các khoản phải thu khác	138	2		
6.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	2		
IV.Hàng tồn kho	140		2.213.556.699	1.133.234.953
1.Hàng tồn kho	141	3	2.213.556.699	1.133.234.953
-Hàng mua đang đi trên đường	148	3		
-Nguyên liệu, vật liệu nhập kho	142	3		
-Công cụ, dụng cụ trong kho	143	3		
-Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144	3		
-Thành phẩm tồn kho	145	3		
-Hàng hoá tồn kho	146	3	2.213.556.699	1.133.234.953
-Hàng gửi đi bán	147	3		
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		111.386.121	11.651.232
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2.Các khoản thuế phải thu	152		111.386.121	11.651.232
3.Tài sản ngắn hạn	158			
B.TÀI SẢN SÀI HẠN	200		4.632.190.727	2.523.774.834

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

(200=210+220+230+240)				
I.Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5		
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212			
3. Phải thu dài hạn khác	213			
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II.Tài sản cố định	220		2.401.370.727	564.954.834
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	2.401.370.727	564.954.834
-Nguyên giá	222		2.890.076.805	827.864.544
-Giá trị hao mòn lũy kế	223		(488.706.078)	(262.909.710)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	7		
-Nguyên giá	225			
-Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	8		
-Nguyên giá	228			
-Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9		
III.Bất động sản đầu tư	240	10		
-Nguyên giá	241			
-Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11		
1. Đầu tư vào công ty con	251	11		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	259	11		
V.Tài sản dài hạn khác	260		2.230.820.000	1.958.820.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13		
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.230.820.000	1.958.820.000
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		13.863.020.741	6.683.194.918
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ(300=310+330)	300		12.644.067.547	5.618.328.941
I. Nợ ngắn hạn	310		12.626.173.184	4.178.328.941
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	6.500.000.000	2.920.738.528
2. Phải trả người bán	312	15	6.126.173.184	1.257.590.413
3. Người mua trả tiền trước	313	15		
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16		
5. Phải trả CNV	315			
6. Chi phí phải trả	316	17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

9.Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18		
II.Nợ dài hạn	320		17.894.363	1.440.000.000
1.Phải trả dài hạn người bán	321	19		
2.Phải trả dài hạn nội bộ	322			
3.Phải trả dài hạn khác	323			
4.Vay và nợ dài hạn	324	20		1.440.000.000
5.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325	13	17.894.363	
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		1.218.953.194	1.064.865.977
I.Vốn chủ sở hữu	410		1.218.953.194	1.064.865.977
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	1.500.000.000	1.500.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Cổ phiếu ngân quỹ	413			
4.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414			
5.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6.Quỹ đầu tư phát triển	416	21		
7.Quỹ dự phòng tài chính	417	21		
8.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	21		
9.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419		(281.046.806)	(435.134.023)
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	420			
1.Quỹ khen thưởng phúc lợi	421			
2.Nguồn kinh phí quỹ	422	22		
3.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423			
Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)	430		13.863.020.741	6.683.194.918

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

Giám đốc

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

2.3. Thực trạng công tác tổ chức phân tích tài chính của công ty TNHH thương mại Chi Lăng thông qua bảng cân đối kế toán.

Việc phân tích bảng cân đối kế toán là công cụ quan trọng để ban lãnh đạo Công ty có thể đánh giá tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mình. Việc phân tích tình hình tài chính thông qua bảng cân đối kế toán của Công ty đã được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc phân tích này chỉ được thực hiện trong phạm vi rất nhỏ. Công ty chỉ dừng lại ở việc so sánh một số chỉ tiêu để thấy được sự biến động mà chưa chỉ rõ nguyên nhân cũng như giải pháp.

Bảng phân tích tình hình thanh toán của Công ty

CÁC KHOẢN PHẢI THU	Năm trước	Năm nay	Chênh lệch	
			Số tiền	%
1. Phải thu khách hàng	845.935.703	4.149.881.881	+3.303.946.178	+390,56
2. Thế chấp, ký cược	1.958.820.000	2.230.820.000	+272.000.000	+13,88
3. Các khoản thuế phải thu	11.651.232	111.386.121	+99.734.889	+856,00
Cộng	2.816.406.935	6.492.088.002	+3.675.681.067	+130,51
CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ				
1. Vay và nợ ngắn hạn	2.920.738.528	6.500.000.000	+3.579.261.472	+122,54
2. Phải trả người bán	1.257.590.413	6.126.173.184	+4.868.528.771	+387,13
3. Vay và nợ dài hạn	1.440.000.000	-	-1.440.000.000	-100,00
Cộng	5.618.328.941	12.626.173.184	+7.007.844.239	+124,73

Qua bảng phân tích ta nhận thấy :

- Các khoản phải thu và các khoản phải trả của Công ty năm 2009 đều tăng so với năm 2008. Tuy nhiên mức độ tăng của các khoản phải thu nhanh hơn các khoản phải trả, nhiều hơn 5,78%.

- Cụ thể, các khoản phải thu khách hàng năm 2009 tăng lên 3.303.946.178 đồng, tương ứng với 390,56% so với năm ngoái. Điều đó chứng tỏ, năm 2009

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Công ty bán chịu hàng rất nhiều, công tác thu hồi nợ chưa thực hiện tốt. Công ty cần có những biện pháp trong năm tới để đảm bảo thu hồi nợ.

- Khoản thế chấp, ký cược tăng so với 2008 là 272.000.000 đồng, tức là tăng 13,88%. Điều này được lý giải là do Công ty nhận thêm bình Gas, tiền đặt cọc với Công ty TNHH MTV khí hoá lỏng Nam Định tăng lên.

- Năm 2009, Công ty đã trả được khoản vay dài hạn. Tuy nhiên vay ngắn hạn lại tăng nhanh, từ 2.920.738.528 đồng lên 6.500.000.000 đồng, tăng 122,54% so với năm 2008. Điều này cho thấy Công ty đang có xu hướng mở rộng kinh doanh, cần huy động nhiều vốn. Song, Công ty cũng cần chú ý vấn đề trả nợ vay ngắn hạn.

- Phải trả người bán tăng lên rất nhanh, tăng 387,13% so với năm 2008. Năm 2009, Công ty mua chịu hàng nhiều.

Tóm lại, năm 2009 Công ty mua hàng nhiều nhưng bán hàng chịu cũng nhiều. Công ty cần khắc phục tình hình thu hồi nợ, đảm bảo cho quá trình kinh doanh và khả năng thanh toán của Công ty khả quan.

Chương 3 :
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

3.1. Đánh giá thực trạng công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng, tìm hiểu về thực trạng công tác hạch toán kế toán của Công ty, em xin có một số nhận xét sau :

3.1.1. Kết quả đạt được.

☞ Về tổ chức bộ máy quản lý

Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là công ty TNHH hai thành viên có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập. Để đảm bảo tính chủ động trong kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty đã áp dụng mô hình trực tuyến chức năng phù hợp với nhu cầu quản lý của Công ty. Các phòng ban luôn hoàn thành đúng chức năng và nhiệm vụ của mình. Bộ máy quản lý của Công ty tương đối đơn giản, gọn nhẹ, hợp lý và hoạt động hiệu quả.

☞ Về tổ chức bộ máy kế toán Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, có sự phân công công việc rõ ràng. Mỗi kế toán viên đảm nhận một phần hành kế toán khác nhau, phù hợp với chuyên môn và năng lực của từng kế toán viên. Đặc biệt, phòng kế toán còn được sự giám sát chỉ đạo của Phó giám đốc điều hành. Vì vậy mà công tác kế toán luôn được quan tâm theo dõi.

Các nhân viên trong phòng kế toán cùng chịu sự kiểm tra, quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm với công việc của kế toán viên.

Công ty đã áp dụng các chính sách, chế độ kế toán mới kịp thời. Các chính sách chế độ kế toán được Bộ tài chính sửa đổi, Công ty luôn cử cán bộ kế toán đi học tập và nắm bắt các chính sách mới đó. Nhằm đảm bảo cho bộ máy kế toán của Công ty hoạt động hiệu quả và chính xác về chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính quy định.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

➤ Về công tác hạch toán kế toán chung của Công ty

Hiện tại Công ty đang áp dụng hình thức “Nhật ký chung” – hình thức kế toán đơn giản, dễ làm. Công ty sử dụng hệ thống sổ sách tương đối đầy đủ theo quyết định của chế độ kế toán hiện hành nhưng vẫn phù hợp với sản xuất kinh doanh. Với hệ thống sổ sách : sổ cái, bảng chi tiết, bảng tổng hợp... đã phần nào phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đáp ứng kịp thời, đầy đủ, cung cấp mọi thông tin hữu dụng phục vụ nhu cầu quản lý của Công ty.

➤ Về công tác lập bảng cân đối kế toán

Trước khi tiến hành lập bảng cân đối kế toán, kế toán trưởng đã thực hiện kiểm tra lại chứng từ, số liệu trên các sổ kế toán đảm bảo tính chính xác về nội dung và số liệu của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các bước chuẩn bị cho việc lập bảng cân đối kế toán được tiến hành nghiêm túc và chặt chẽ, đảm bảo tính trung thực chính xác.

Việc lập bảng cân đối kế toán đảm bảo đúng thời gian, đúng mẫu biểu theo quyết định số 48/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

➤ Về công tác phân tích bảng cân đối kế toán

Việc phân tích bảng cân đối kế toán của Công ty bước đầu đã được thực hiện. Qua việc phân tích một số chỉ tiêu đã giúp cho các bộ phận, phòng ban trong Công ty theo dõi một cách khái quát về tình hình tài chính của Công ty để các nhà lãnh đạo có được những quyết định sáng suốt.

3.1.2. Hạn chế.

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn chưa đồng đều. Bên cạnh nhân viên có trình độ chuyên môn vững vàng là một số nhân viên vẫn còn hạn chế trong chuyên môn, nghiệp vụ; dẫn đến sự kết hợp giữa các phần hành kế toán thiếu nhịp nhàng, chính xác, khó tránh khỏi việc xảy ra những vướng mắc trong việc tổng hợp số liệu để lập báo cáo tài chính.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp nên phải chịu gánh nặng và áp lực công việc lớn. Vừa phải lập báo cáo tài chính và xác định kết quả kinh doanh của từng tháng, quý, năm cũng như thực hiện việc thanh toán với Nhà nước về các khoản phải nộp; vừa phải quản lý chung phòng kế toán. Gánh nặng và áp lực công việc sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý cũng như hiệu quả làm việc trong phòng kế toán.

➤ Về công tác lập bảng cân đối kế toán

Nhìn vào bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng năm 2009, ta nhận thấy khoản mục “Phải trả công nhân viên” không có số dư; Mục II “Nguồn kinh phí và quỹ khác” cũng không thấy phát sinh. Vậy nguyên nhân là do đâu? Qua thực tế tìm hiểu, em được biết Công ty TNHH thương mại Chi Lăng không tiến hành trích BHYT, BHXH, KPCĐ theo tỷ lệ quy định. Mà hàng tháng, Công ty chỉ đăng ký mức đóng BHYT, BHXH và đóng tiền luôn vào đầu tháng với Cơ quan bảo hiểm y tế để đóng cho một số thành viên trong Công ty. Hơn thế nữa Công ty không tiến hành trích lập các Quỹ, như Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư và phát triển. Tuy rằng hàng tháng Công ty đều tiến hành thanh toán tiền lương cho công nhân viên đầy đủ nhưng việc không trích nộp BHYT, BHXH cho công nhân viên khiến họ không cảm thấy thật sự an tâm khi làm việc cũng như có tinh thần làm việc hăng say, muôn gắn bó lâu dài với Công ty. Việc không trích lập các Quỹ sẽ có thể gây khó khăn cho Công ty khi Công ty gặp rủi ro trong kinh doanh cũng như không khuyến khích được tinh thần của người lao động trong Công ty vì không có hình thức khen thưởng phù hợp...

Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nói chung và công tác lập báo cáo tài chính nói riêng. Do đó khối lượng công việc mỗi kế toán viên đảm nhận khá nhiều, gây sức ép về mặt thời gian trong việc lập báo cáo tài chính.

➤ Về công tác phân tích báo cáo tài chính

Tuy Công ty đã quan tâm đến việc phân tích bảng cân đối kế toán nhưng phương pháp phân tích chỉ sử dụng phương pháp so sánh, chưa kết hợp với các

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

phương pháp khác chuyên sâu hơn. Việc phân tích mới chỉ dừng lại ở một số chỉ tiêu phân tích về tình hình thanh toán. Nếu chỉ căn cứ vào chỉ tiêu này thì chưa thấy được hết các khía cạnh khác nhau của tình hình tài chính, sự biến động của tài sản và nguồn vốn của Công ty.

Công ty có thể sử dụng một số nội dung phân tích sau :

- Phân tích cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn.
- Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phân tích thông qua các tỷ số tài chính chủ yếu.

Công tác phân tích bảng cân đối kế toán của Công ty chưa được tiến hành theo một trình tự cụ thể, chưa được coi là một hoạt động chính thức, mới chỉ dừng lại ở việc kế toán trưởng lập, đưa ra báo cáo tài chính và trình lên Giám đốc Công ty mà không có sự tham gia đóng góp ý kiến của các phòng ban. Do đó việc đề ra các biện pháp khắc phục những mặt hạn chế của Công ty chưa thực sự hiệu quả.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

Vận dụng những kiến thức đã được học trên ghế nhà trường vào thực tế công tác kế toán của Công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung, công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2.1. Ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

Ý kiến thứ nhất : Tiến hành trích lập các Quỹ và trích BHYT, BHXH, KPCĐ theo đúng quy định.

* Theo chế độ kế toán hiện hành (tính đến hết 31/12/2009), các Quỹ BHYT, BHXH, KPCĐ được hình thành một phần do người lao động đóng góp và một phần do người sử dụng lao động đóng góp theo tỷ lệ sau :

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Chỉ tiêu	Người lao động đóng góp (Trừ vào thu nhập)	Người sử dụng LĐ đóng góp (Tính vào CPSXKD)
1. BHXH : 20%	5%	15%
2. BHYT : 3%	1%	2%
3. KPCĐ : 2%	-	2%
Tổng	6%	19%

Việc đóng BHXH, BHYT, KPCĐ giúp người lao động cảm thấy được quan tâm hơn và sẽ từ đó mà tích cực làm việc, muốn gắn bó lâu dài với Công ty.

* Các Quỹ của Doanh nghiệp được hình thành từ Lợi nhuận sau thuế, như Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư và phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi...

+ Quỹ đầu tư và phát triển : được trích từ Lợi nhuận sau thuế nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và nghiên cứu khoa học.

+ Quỹ dự phòng tài chính : được trích lập từ Lợi nhuận sau thuế nhằm đảm bảo cho Doanh nghiệp hoạt động bình thường khi có những rủi ro xảy ra trong hoạt động kinh doanh cũng như đề phòng thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn.

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi : được trích lập từ Lợi nhuận sau thuế để dùng cho việc khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất và để phục vụ cho nhu cầu phúc lợi mang tính cộng đồng cũng như nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Qua tìm hiểu thêm, em được biết về việc thay đổi mức trích nộp BHXH, BHYT năm 2010 như sau :

Chỉ tiêu	Người lao động đóng góp (Trừ vào thu nhập)	Người sử dụng LĐ đóng góp (Tính vào CPSXKD)
1. BHXH : 22%	6%	16%
2. BHYT : 4,5%	1,5%	3%
3. KPTN : 2%	1%	1%
Tổng	8,5%	20%

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

(Căn cứ vào Công văn 1540/BHXH-PT ngày 25/12/2009 của BHXH Hà Nội)

Đồng thời trong năm 2010, Công ty cần chú ý đến Thông tư 244/2009/TT- BTC ban hành ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Công ty cần đặc biệt chú trọng đến việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế khác trong Thông tư này.

Trong Thông tư có nêu rõ về việc kế toán Bảo hiểm thất nghiệp, kế toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi, kế toán Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Bổ sung tài khoản 3389 - Bảo hiểm thất nghiệp. Đổi số hiệu TK 431- Quỹ khen thưởng phúc lợi thành TK 353, đổi số hiệu TK 4311 thành 3531 - Quỹ khen thưởng, TK 4312 thành 3532 - Quỹ phúc lợi, TK 4313 thành 3533 - Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định; bổ sung TK 3534 - Quỹ thưởng ban quản lý điều hành. Bổ sung TK 356 - Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Ý kiến thứ hai : Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác lập báo cáo tài chính nói chung và bảng cân đối kế toán nói riêng.

Để giúp cho công tác lập báo cáo tài chính nói chung và bảng cân đối kế toán nói riêng được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện, tránh mắc phải những sai sót, đảm bảo tuân thủ đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Công ty nên đầu tư mua hoặc xây dựng chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty. Với những ứng dụng tiên bộ của khoa học kỹ thuật hiện đại, phần mềm kế toán sẽ hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên kế toán trong việc cập nhật chứng từ vào sổ sách kế toán, tổng hợp, đối chiếu kiểm tra các sổ sách liên quan, tự động thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và lập báo cáo tài chính. Nhờ đó mà công việc kế toán của Công ty sẽ giảm bớt, tiết kiệm thời gian trong việc lập báo cáo tài chính.

Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán chuyên nghiệp như :

- + Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA.
- + Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty cổ phần SIS Việt Nam.
- + Phần mềm ACMAN của Công ty cổ phần ACMAN.
- + . . .

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

3.2.2. *Ý kiến nhằm hoàn thiện công tác phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.*

Ý kiến thứ nhất : *Tăng cường và nâng cao trình độ cán bộ phân tích.*

Trong bất cứ hoạt động nào, nhân tố con người vẫn luôn là nhân tố quan trọng nhất, quyết định hiệu quả công việc. Muốn phát huy tốt nhân tố con người cần phải có sự đầu tư, quan tâm đúng mức. Tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng, ở phòng kế toán có 5 nhân viên, trong đó :

- Về giới tính : 4 nữ, 1 nam.
- Về độ tuổi : 25 – 38 tuổi.
- Về trình độ : 2 đại học, 2 cao đẳng, 1 trung cấp.

- Về khả năng lập và phân tích báo cáo tài chính : một nhân viên có khả năng lập báo cáo tài chính nhưng không có nhân viên nào có khả năng phân tích chuyên sâu các báo cáo tài chính và nắm chắc được mối quan hệ giữa các báo cáo tài chính.

Đội ngũ nhân viên trẻ nhưng trình độ không đồng đều dẫn đến việc cập nhật những quyết định sửa đổi bổ sung liên quan đến công tác kế toán còn hạn chế, một số nhân viên kế toán còn yếu về nghiệp vụ, chưa tích cực làm việc nên tiến độ công việc của cả phòng bị chậm lại, đôi lúc có nhầm lẫn số liệu với bộ phận bán hàng.

Kế toán trưởng là người lập, kiểm tra báo cáo tài chính và đưa ra ý kiến đóng góp cho lãnh đạo Công ty nên khối lượng và áp lực công việc rất lớn.

Công ty nên đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên kế toán. Ví dụ như cử đi học tại các lớp đại học tại chức, theo học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cao tại các trung tâm đáng tin cậy...

Ý kiến thứ hai : *Từng bước hoàn thiện nội dung phân tích tình hình tài chính.*

Để nâng cao hiệu quả cho công tác phân tích, Giám đốc Công ty và kế toán trưởng nên lập kế hoạch phân tích cụ thể :

Bước 1 : *Chuẩn bị những việc cần tiến hành trước khi phân tích bảng cân đối kế toán.*

- Tài liệu cho việc phân tích : Chủ yếu dựa vào bảng cân đối kế toán, liên hệ giữa bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tại thời điểm phân tích.

- Nội dung phân tích : Nội dung phân tích bảng cân đối kế toán của Công ty có thể bao gồm : Phân tích cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn ; Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh ; Phân tích tài chính thông qua các tỷ số tài chính chủ yếu.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

- Phương pháp phân tích : Phương pháp so sánh và phương pháp cân đối.

Bước 2 : Tiến hành phân tích bảng cân đối kế toán.

Nếu chỉ nhìn vào bảng cân đối kế toán thì các đối tượng quan tâm chưa thể đánh giá được tình hình tài chính của Công ty. Do đó cần phải tiến hành phân tích bảng cân đối kế toán, biến những con số trong bảng cân đối kế toán thành những con số “biết nói”.

Trên cơ sở mục tiêu và nguồn số liệu, bộ phận kế toán cần xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu phân tích. Tuy nhiên, hệ thống này không nên quá nhiều nhằm giảm bớt thời gian tính toán, việc phân tích cần đi vào chiều sâu, các chỉ tiêu cần bám sát mục tiêu phân tích . Đặc biệt chú trọng tới những chỉ tiêu phân tích có sự biến đổi lớn (mang tính bất thường) và những chỉ tiêu quan trọng, phải bám sát thực tế của Công ty và các chỉ tiêu phân tích có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm tránh việc kết luận vội vàng, thiếu chính xác.

Trong bảng phân tích tài chính thông qua bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng, ngoài những nội dung mà Công ty đã phân tích, theo em, Công ty nên phân tích thêm một số nội dung sau :

- Phân tích cơ cấu tài sản và phân tích cơ cấu nguồn vốn.
- Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phân tích các tỷ số tài chính đặc trưng.

Sau đây, em xin đi sâu phân tích cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn và phân tích khả năng thanh toán của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.

a) Phân tích cơ cấu và sự biến động của tài sản, nguồn vốn.

Phân tích cơ cấu và sự biến động của tài sản, nguồn vốn là đánh giá tình hình phân bổ cũng như sự thay đổi của tài sản, nguồn vốn Công ty có hợp lý hay không? Từ đó Công ty có thể đưa ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp, giúp cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả hơn. Việc tiến hành phân tích cơ cấu và sự biến động của tài sản, nguồn vốn được tiến hành dựa trên Bảng cân đối kế toán năm nay.

☞ Phân tích cơ cấu và sự biến động của tài sản : Nhằm thuận tiện cho việc đánh giá cơ cấu tài sản , khi tiến hành phân tích ta có thể lập bảng phân tích cơ cấu và tình hình biến động tài sản (Biểu 3.1a)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

Biểu 3.1a. Bảng phân tích cơ cấu và tình hình biến động tài sản 2009

Chỉ tiêu	Đầu năm		Cuối năm		Cuối năm so với đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.159.420.084	62,24	9.230.830.014	66,59	+ 5.071.409.930	+ 70,63
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	2.168.598.196	32,45	2.711.005.313	19,56	+ 542.407.117	+ 7,55
II.Các khoản đầu tư TC ngắn hạn						
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	845.935.703	12,66	4.194.881.881	30,26	+ 3.348.946.178	+ 46,64
IV.Hàng tồn kho	1.133.234.953	16,96	2.213.556.699	15,97	+ 1.080.321.746	+ 15,05
V.Tài sản ngắn hạn khác	11.651.232	0,17	111.386.121	0,8	+ 99.734.889	+ 1,39
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	2.532.774.834	37,76	4.632.190.727	33,41	+ 2.108.415.893	+ 29,37
I.Các khoản phải thu dài hạn						
II.Tài sản cố định	564.954.834	8,45	2.401.370.727	17,32	+ 1.836.415.893	+ 25,58
III.Bất động sản đầu tư						
IV.Các khoản đầu tư TC dài hạn						
V.Tài sản dài hạn khác	1.958.820.000	29,31	2.230.820.000	16,09	+ 272.000.000	+ 3,79
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6.683.194.918	100,00	13.863.020.741	100,00	+ 7.179.825.822	+ 51,79

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Ta thấy tổng tài sản năm 2009 là 13.863.020.741 đồng, tăng 7.179.825.822 đồng so với năm 2008. Điều đó chứng tỏ năm 2009, tình hình tài sản của Công ty có nhiều biến động. Cụ thể là do tài sản ngắn hạn tăng 5.071.409.930 đồng và tài sản dài hạn tăng 2.108.415.893 đồng.

Sự biến động của tài sản ngắn hạn chủ yếu là do sự tăng nhanh của các khoản phải thu ngắn hạn, từ 845.935.703 đồng, chiếm 12,66% tổng tài sản lên 4.194.881.881 đồng, chiếm 30,26% tổng tài sản, tốc độ tăng khá nhanh. Như vậy, năm 2009 Công ty đã bán chịu rất nhiều và không làm tốt công tác thu hồi nợ. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của Công ty, vì không có tiền để tiếp tục đầu tư, mua hàng hoá để bán. Công ty cần đôn đốc khách hàng trả nợ trong những năm tiếp theo để đảm bảo lượng vốn cho quá trình kinh doanh. “Tiền và các khoản tương đương tiền” của Công ty có tăng nhưng chỉ là tăng nhẹ, từ 2.168.598.196 đồng lên 2.711.005.313 đồng. Lượng tiền dự trữ tương đối nhiều. Công ty sẽ có thể chủ động trong những giao dịch cần thanh toán ngay bằng tiền. Tuy vậy Công ty cần xem xét để cân đối giữa lượng tiền dự trữ và đưa vào hoạt động kinh doanh để sử dụng vốn có hiệu quả hơn. “Hàng tồn kho” chiếm tỉ lệ không cao trong tổng tài sản, năm 2008 là 16,96% , năm 2009 là 15,97%. Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, nếu lượng hàng hoá tồn kho quá thấp, không có hàng dự trữ, nếu thị trường có nhiều biến động, Công ty sẽ không đáp ứng được nhu cầu thị trường. Công ty cần lưu ý đến khoản mục này vì Gas là mặt hàng có độ ‘nhạy cảm’ cao với giá.

Tài sản dài hạn cuối năm là 4.632.190.727 đồng, chiếm 33,41% tổng tài sản và so với đầu năm tăng 2.108.415.893 đồng. Trong đó, “Tài sản cố định” có sự biến động rất lớn. Cụ thể là năm 2008, Tài sản cố định chỉ là 564.954.834 đồng, tương đương với 8,45% tổng tài sản. Đến năm 2009, khoản mục này đã là 2.401.370.727 đồng, chiếm 17,32% tổng tài sản. Nghĩa là năm 2009, Công ty đã chú trọng vào việc đầu tư mua mới tài sản cố định, phục vụ cho quá trình vận chuyển và bơm khí hoá lỏng vào bình Gas. Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là Công ty thương mại nên chỉ tiêu Tài sản cố định chiếm tỉ lệ không cao trong

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

tổng tài sản là hợp lý. “Tài sản dài hạn khác” tăng nhẹ từ 1.958.820.000 đồng lên 2.230.820.000 đồng. Khoản mục này tăng là do năm 2009 Công ty tiếp tục nhận thêm bình Gas mới và phải ký cược với Công ty TNHH MTV kinh doanh khí hoá lỏng Nam Định. Điều này là hết sức bình thường và dễ hiểu.

Phân tích thêm về cơ cấu tài sản :

Cơ cấu tài sản phản ánh khi Doanh nghiệp sử dụng 1 đồng vốn kinh doanh thì dành ra bao nhiêu đồng để hình thành tài sản ngắn hạn, còn bao nhiêu đồng để đầu tư vào tài sản dài hạn.

Biểu 3.1b : Bảng phân tích cơ cấu tài sản

Chi tiêu	Công thức tính	Đầu năm	Cuối năm
Tỷ suất đầu tư vào TSNH	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$	62,24%	66,59%
Tỷ suất đầu tư vào TSDH	$\frac{\text{Tài sản dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$	37,76%	33,41%
Cơ cấu tài sản	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tài sản dài hạn}}$	54,48%	48,21%

Từ biểu 3.1b, ta có thể thấy rằng tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn năm 2009 tăng lên so với năm 2008. Nếu ở năm 2008, cứ 1 đồng vốn kinh doanh Công ty bỏ ra thì có 0,62 đồng là dành cho tài sản ngắn hạn. Đến năm 2009, Công ty bỏ ra 1 đồng vốn kinh doanh thì có 0,67 đồng là đầu tư vào tài sản ngắn hạn. Tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn năm 2009 tuy có giảm so với năm 2008 nhưng lượng giảm không phải là lớn. Năm 2009, cứ 1 đồng vốn kinh doanh mà Công ty bỏ ra thì có 0,34 đồng được đầu tư vào tài sản dài hạn.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Thông qua việc phân tích, ta thấy việc phân bổ tài sản của Công ty là tương đối hợp lý, đã phát huy được hiệu quả nguồn vốn, đã cung cấp tài sản để tiến hành hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty cần quan tâm đến việc lượng tiền dự trữ nhiều và các khoản phải thu khách hàng để tiến hành đôn đốc thu hồi nợ kịp thời.

✎ Phân tích cơ cấu và sự biến động của nguồn vốn : Để tiến hành phân tích cơ cấu và sự biến động của nguồn vốn, ta có thể lập bảng phân tích cơ cấu và tình hình biến động nguồn vốn (Biểu 3.2a)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

Biểu 3.2a. Bảng phân tích cơ cấu và tình hình biến động tài sản

Chỉ tiêu	Đầu năm		Cuối năm		Cuối năm so với đầu năm	
	Số tiền	Tỉ lệ %	Số tiền	Tỉ lệ %	Số tiền	Tỉ lệ %
A. NỢ PHẢI TRẢ	5.618.328.941	84,07	12.944.067.547	91,21	+ 7.025.738.559	+ 97,85
I. Nợ ngắn hạn	4.178.328.941	62,52	12.626.173.184	91,08	+ 8.447.844.239	+ 117,66
1.Vay và nợ ngắn hạn	2.920.738.528	43,70	6.500.000.000	46,89	+3.579.261.472	+ 49,85
2.Phải trả người bán	1.257.590.413	18,82	6.126.173.184	44,19	+ 4.868.582.771	+ 67,81
3.Người mua trả tiền trước						
4.Thuế và các khoản phải nộp NN						
5.Phải trả CNV						
6.Chi phí phải trả						
7.Phải trả nội bộ						
8.Phải trả theo tiến độ KH HĐXD						
9.Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác						
II. Nợ dài hạn	1.440.000.000	21,55	17.894.363	0,13	- 1.422.105.637	- 19,81
1.Phải trả dài hạn người bán						
2.Phải trả dài hạn nội bộ						
3.Phải trả dài hạn khác						
4.Vay và nợ dài hạn	1.440.000.000	21,55	-	-	- 1.440.000.000	- 20,06
5.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	17.894.363	0,13	+ 17.894.363	+ 0,25
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.064.865.977	15,93	1.218.953.194	8,79	+ 154.087.217	+2,15
I. Vốn chủ sở hữu	1.065.865.977	15,93	1.218.953.194	8,79	+ 154.087.217	+ 2,15
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.500.000.000	22,44	1.500.000.000	10,82	+ 154.087.217	+2,15
2.Thặng dư vốn cổ phần						
3.Cổ phiếu ngân quỹ						

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH
thương mại Chi Lăng**

4.Chênh lệch đánh giá lại tài sản						
5.Chênh lệch tỷ giá hối đoái						
6.Quỹ đầu tư phát triển						
7.Quỹ dự phòng tài chính						
8.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu						
9.Lợi nhuận sau thuế chưa PP	(435.134.023)	- 6,51	(281.046.806)	- 2,03	+ 154.087.217	+ 2,15
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác						
1.Quỹ khen thưởng, phúc lợi						
2.Nguồn kinh phí						
3.Nguồn KP đã hình thành TSCĐ						
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.683.194.918		13.863.020.741		+ 7.719.825.822	+ 51,79

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Phân tích cơ cấu nguồn vốn nhằm đánh giá khả năng tự tài trợ về tài chính của Công ty cũng như mức độ, khả năng tự chủ, chủ động trong kinh doanh hay những khó khăn mà Công ty phải đương đầu.

Nguồn vốn của Công ty tăng mạnh lên 13.863.020.741 đồng trong năm 2009 là do hai yếu tố sau tác động : Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu, đặc biệt là sự tăng nhanh của Nợ phải trả.

Nợ phải trả cuối năm là 12.644.067.547 đồng, chiếm 91,21% tổng nguồn vốn, tăng so với đầu năm là 7.025.738.599 đồng, chủ yếu là do Nợ ngắn hạn tăng mạnh. Nợ ngắn hạn tăng từ 4.178.328.941 đồng năm 2008 lên 12.626.173.184 đồng năm 2009, tăng 8.447.844.239 đồng. Trong đó Vay và nợ ngắn hạn tăng 3.579.261.472 đồng, chiếm 49,85% tổng nguồn vốn. Được biết Công ty vay ngắn hạn để đầu tư mua sắm tài sản cố định, phục vụ cho quá trình kinh doanh. Đây là điều đáng quan tâm vì lượng tiền vay được tuy sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh nhưng lượng vay lớn ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính của Công ty. Phải trả người bán tăng cả về tuyệt đối và tỷ trọng. Công ty cần quan tâm hơn đến vấn đề này và tiến hành thanh toán cho nhà cung cấp ngay khi có thể để giữ được uy tín trong kinh doanh. Công ty đã thanh toán được khoản nợ và vay dài hạn, số tiền 1.440.000.000 đồng. Đây là dấu hiệu tích cực đánh giá khả năng thanh toán của Công ty.

Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ về số tuyệt đối, tăng 154.087.217 đồng nhưng giảm về tỷ trọng vì tốc độ tăng của Nợ phải trả nhanh hơn Vốn chủ sở hữu. Tỷ trọng Vốn chủ sở hữu nhỏ hơn Nợ phải trả rất nhiều, được đánh giá là tiêu cực vì Công ty không thể tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản của Công ty được trang trải chủ yếu bằng nợ vay. Năm nay Công ty đã làm ăn có lãi, đây là dấu hiệu đáng mừng khi thị trường Gas luôn biến động thất thường trong thời gian qua.

Nguyên tắc sử dụng vốn được đánh giá là hợp lý khi nguồn vốn dài hạn tài trợ cho hoạt động dài hạn, nguồn vốn ngắn hạn tài trợ cho hoạt động ngắn hạn. Ta thấy, nguồn vốn dài hạn là 1.236.847.557 đồng, trong đó Nợ dài hạn là 17.894.363 đồng và Vốn chủ sở hữu là 1.218.953.194 đồng. Trong khi Tài sản dài hạn là

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

4.632.190.727 đồng. Nợ ngắn hạn là 12.626.173.184 đồng. Rõ ràng là Công ty đã vi phạm nguyên tắc sử dụng vốn; Tài sản dài hạn của Công ty được tài trợ từ Nợ ngắn hạn. Điều này sẽ gây khó khăn cho Công ty trong việc thanh toán các khoản nợ, cũng như đánh giá về tình hình tài chính của Công ty. Công ty cần xem xét và điều chỉnh lại cho hợp lý.

Phân tích thêm về cơ cấu nguồn vốn :

Cơ cấu nguồn vốn phản ánh bình quân trong 1 đồng vốn kinh doanh Doanh nghiệp đang sử dụng có bao nhiêu đồng vay nợ, có bao nhiêu đồng vốn chủ sở hữu. Hệ số nợ và hệ số vốn chủ sở hữu là hai tỷ số quan trọng nhất phản ánh cơ cấu nguồn vốn. Hệ số nợ cho biết trong 1 đồng vốn kinh doanh có mấy đồng hình thành từ vay nợ bên ngoài. Hệ số vốn chủ sở hữu đo lường sự góp vốn của chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn hiện nay của Doanh nghiệp. Qua nghiên cứu hai chỉ tiêu này cho biết mức độ độc lập hay phụ thuộc của Doanh nghiệp đối với các chủ nợ, mức độ tự tài trợ của Doanh nghiệp đối với nguồn vốn kinh doanh của mình.

Biểu 3.2b : Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn.

Chỉ tiêu	Công thức tính	Đầu năm	Cuối năm
Hệ số nợ	$\frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$	84,07%	91,21%
Hệ số vốn chủ sở hữu	$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$	15,93%	8.79%

Từ biểu 3.2b, ta có thể nhận xét rằng hệ số nợ chiếm tỷ lệ cao cả ở đầu năm và cuối năm. Đầu năm cứ 1 đồng vốn kinh doanh có 0,84 đồng là do vay mượn bên ngoài. Cuối năm thì cứ 1 đồng vốn kinh doanh có đến 0,91 đồng là vay mượn bên ngoài. Điều này cho thấy Công ty có lợi vì được sử dụng một lượng tài sản lớn mà chỉ cần đầu tư một lượng vốn nhỏ. Tuy nhiên Công ty cũng cần lưu ý vì các chủ nợ

lại thường mong muốn hệ số vốn chủ sở hữu càng cao càng tốt; chủ nợ nhìn vào hệ số này để tin tưởng một sự đảm bảo cho các món nợ vay được hoàn trả đúng hạn.

Từ các phân tích trên có thể thấy thực lực tài chính của Công ty là không cao, khả năng tự tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là rất thấp. Vì vậy Công ty cần chú trọng hơn vấn đề kinh doanh để tăng vốn chủ, giảm nợ vay, giảm rủi ro tài chính.

b) Phân tích khả năng thanh toán.

Mỗi Doanh nghiệp khác nhau có các hệ số tài chính khác nhau, thậm chí một Doanh nghiệp ở những thời điểm khác nhau cũng có các hệ số tài chính không giống nhau. Do đó, người ta coi các hệ số tài chính là những biểu hiện đặc trưng nhất về tình hình tài chính của Doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Các hệ số về khả năng thanh toán là những chỉ tiêu được rất nhiều người quan tâm như các nhà đầu tư, người cho vay, nhà cung cấp hàng hoá... Họ luôn đặt ra câu hỏi : hiện Doanh nghiệp có đủ khả năng trả các món nợ tới hạn không?

Để tiến hành phân tích khả năng thanh toán của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng, ta tiến hành tính toán các tỷ số thanh toán của Công ty như sau (Biểu 3.3) :

+ Hệ số thanh toán tổng quát : Hệ số khả năng thanh toán tổng quát phản ánh mối quan hệ giữa tổng tài sản mà hiện nay Doanh nghiệp đang quản lý sử dụng với tổng nợ phải trả.

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn : Hệ số đánh giá khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là mối quan hệ giữa tài sản ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số này thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản ngắn hạn với nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn là các khoản nợ phải thanh toán trong kỳ, do đó Doanh nghiệp phải dùng tài sản thực có của mình để thanh toán bằng cách chuyển đổi một bộ phận tài sản thành tiền. Trong tổng số tài sản mà Doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng và sở hữu, chỉ có tài sản ngắn hạn là trong kỳ có khả năng chuyển đổi thành tiền.

+ Hệ số thanh toán nhanh : Hệ số khả năng thanh toán nhanh là thước đo về khả năng trả nợ ngay, không dựa vào việc phải bán các loại vật tư hàng hoá. Thông

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

thường hệ số này bằng 1 là lý tưởng nhất. Hệ số này quá nhỏ thì Doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc thanh toán công nợ, vì vào lúc cần Doanh nghiệp có thể buộc phải sử dụng các biện pháp bất lợi như bán các tài sản với giá thấp để trả nợ.

Biểu 3.3. Bảng phân tích tỷ số thanh toán.

Chi tiêu	Công thức	Đầu năm	Cuối năm	Cuối năm so với đầu năm
Hệ số thanh toán tổng quát	$\frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ}}$	1,19	1,09	- 0,1
Hệ số thanh toán ngắn hạn	$\frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,99	0,72	- 0,27
Hệ số thanh toán nhanh	$\frac{\text{Tài sản NH - HTK}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$	0,72	0,56	- 0,16

Từ bảng phân tích tỷ số thanh toán ta có thể nhận xét :

Khả năng thanh toán tổng quát năm 2009 có giảm so với năm 2008 là 0,1 lần nhưng hệ số này vẫn lớn hơn 1, chứng tỏ là các khoản huy động bên ngoài đều có tài sản đảm bảo (đầu năm Công ty cứ đi vay 1 đồng thì có 1,19 đồng tài sản đảm bảo, còn ở cuối kỳ thì cứ đi vay nợ 1 đồng thì chỉ có 1,09 đồng tài sản đảm bảo). Hệ số này ở thời điểm cuối kỳ thấp hơn đầu năm là do trong kỳ Công ty đã huy động thêm vốn từ bên ngoài là 7.025.738.559 đồng, trong khi tài sản chỉ tăng 7.179.825.822 đồng.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn cả đầu kỳ và cuối kỳ đều thấp và có xu hướng giảm, từ 0,99 đầu kỳ xuống còn 0,72 cuối kỳ. Công ty cần chú ý tới hệ số này vì vào thời điểm cuối kỳ Công ty cần giải phóng $1/0,72 = 138\%$ tài sản ngắn

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

hạn, tức là tài sản ngắn hạn hiện có là không đủ thanh toán nợ ngắn hạn. Vì Công ty TNHH thương mại Chi Lăng là loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nên tài sản ngắn hạn cần chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, do đó hệ số này cần lớn, ít nhất là lớn hơn 1.

Khả năng thanh toán nhanh của Công ty cuối năm giảm 0,16 lần so với đầu năm. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty là tương đối nhỏ, chỉ là 0,56 lần. Như vậy Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thanh toán công nợ. Hệ số này nhỏ là do trong năm 2009 Công ty đã huy động thêm vốn vay ngắn hạn so với năm 2008 là 8.447.844.239 đồng, trong khi xét đến cả tài sản ngắn hạn chỉ tăng thêm có 5.071.409.930 đồng.

Để phân tích rõ nét hơn khả năng thanh toán của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng, ta cần phân tích thêm sự tác động của vòng quay các khoản phải thu đến khả năng thanh toán của Công ty. Nếu vòng quay của các khoản phải thu càng cao chứng tỏ Công ty làm tốt công tác thu hồi nợ, thu hồi tiền hàng kịp thời, khi đó vòng quay các khoản phải thu tác động tích cực đến khả năng thanh toán của Công ty. Còn nếu vòng quay các khoản phải thu thấp, có nghĩa là Công ty chưa thực sự làm tốt công tác thu hồi nợ, khi đó vòng quay các khoản phải thu sẽ tác động tiêu cực đến khả năng thanh toán của Công ty.

Biểu 3.4. Vòng quay các khoản phải thu năm 2009

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009
Doanh thu thuần (DTBH+DTTC+Thu nhập khác)	VND	31.395.432.485
Số dư bình quân các khoản phải thu ((PTckỳ+đkỳ)/2)	VND	5.040.817.584
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	6

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

Vòng quay các khoản phải thu năm 2009 là 6 vòng. Mà

$$\begin{aligned} \text{Kỳ thu tiền bình quân} &= \frac{\text{Thời gian của kỳ phân tích}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}} \\ &= \frac{360}{6} = 60 \text{ ngày} \end{aligned}$$

Kỳ thu tiền bình quân phản ánh số ngày cần thiết để thu được các khoản phải thu. Như vậy, bình quân cứ 60 ngày thì có một lần thu tiền. Điều này chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu của Công ty là rất thấp. Công ty cần quan tâm tìm các biện pháp để đốc thúc công tác thu hồi công nợ.

Biện pháp đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ :

Như đã phân tích ở trên, năm 2009 Công ty chưa thực sự làm tốt công tác thu hồi công nợ. Để có thể nhanh chóng thu hồi các khoản nợ của khách hàng, ban lãnh đạo Công ty cần phân loại nợ theo tiêu thức sau : Nợ chưa đến hạn trả, Nợ đến hạn trả, Nợ quá hạn trả. Căn cứ vào ba loại nợ trên mà ban lãnh đạo Công ty có biện pháp thích hợp đối với từng loại đối tượng khách hàng để tiến hành thu hồi công nợ. Cụ thể :

Đối với những khoản nợ chưa đến hạn trả : Công ty có thể gửi thư để xác nhận công nợ, nhắc nhở khách hàng trả nợ đúng hạn.

Đối với những khoản nợ đến hạn trả : Công ty có thể gửi thư, đến gặp trực tiếp khách hàng yêu cầu thanh toán nợ, những khách hàng có số nợ lên đến quá lớn Công ty cần đưa chính sách bán hàng cứng rắn như yêu cầu thanh toán hết số nợ cũ mới bán hàng tiếp.

Đặc biệt cần chú ý đến khoản nợ quá hạn thanh toán. Để nhanh chóng có thể đòi được khoản nợ quá hạn Công ty cần phân loại thành 3 loại sau :

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

+ Nợ có thể đòi : cần sử dụng biện pháp nhằm khuyến khích trả nợ như cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán nếu họ thanh toán nợ cho Công ty.

+ Nợ khó đòi : đối với khoản nợ này nên sử dụng biện pháp cứng rắn như siết nợ, lập hồ sơ truy tố.

+ Nợ không thể đòi : đây là những khoản nợ mà một số khách hàng không chịu công nhận nợ hoặc khách hàng đã phá sản hoặc giải thể, trường hợp này Công ty nên lập hồ sơ truy tố những khách hàng đó để đòi nợ.

Trong nền kinh tế thị trường, việc mua bán chịu là không thể thiếu, nó có thể làm cho Công ty đứng vững trên thị trường nhưng cũng có thể đem đến cho Công ty những rủi ro kinh doanh. Vì thế để phát huy mặt tích cực của công việc này, Công ty cần nắm bắt được năng lực trả nợ, tinh thần trách nhiệm trả nợ, các tài sản riêng có thể dùng để đảm bảo các khoản nợ, khả năng phát triển và xu thế phát triển của ngành nghề kinh doanh của bạn hàng. Làm tốt công tác này sẽ giúp cho Công ty có thể thu hồi được vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Bước 3: Báo cáo kết quả phân tích

Báo cáo kết quả được trình bày, thuyết minh cho ban lãnh đạo của Công ty, lãnh đạo các phòng ban chức năng trong Công ty để cùng trao đổi, thống nhất ý kiến trong báo cáo kết quả phân tích đó.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu lý luận, cùng với việc tìm hiểu thực tế về thực trạng kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng, em đã thấy được vai trò của báo cáo tài chính nói chung và bảng cân đối nói riêng. Cũng như vai trò của công tác phân tích bảng cân đối kế toán trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Bài khoá luận của em về đề tài : “Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng” đã đề cập đến những vấn đề sau :

- Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.
- Thực tế công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.
- Đưa ra những ưu điểm và hạn chế trong công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán của Công ty. Từ đó dựa vào những kiến thức đã được học để đề xuất, kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ kinh doanh thời gian tới.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới Thầy giáo hướng dẫn Thạc sỹ Vũ Hùng Quyết và các cán bộ phòng kế toán của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng đã chỉ dạy, tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này. Tuy nhiên, do thời gian hạn hẹp và hiểu biết còn hạn chế nên bài khoá luận của em không tránh khỏi khuyết điểm. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo góp ý của các thầy cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, Tháng 06 năm 2010

Sinh viên thực hiện.

Nguyễn Thị Thu Huyền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “ Đọc, lập, phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp” do PGS.TS Ngô Thế Chi và TS. Vũ Công Ty biên soạn.
2. Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp - quyển 2, nhà xuất bản tài chính.
4. Chuẩn mực 21 “Trình bày báo cáo tài chính” trong hệ thống các chuẩn mực kế toán.
5. Trang web : <http://www.webketoan.vn>
<http://www.ketoantruong.com.vn>
<http://www.danketoan.com>
6. Khoá luận tốt nghiệp, tác giả Nguyễn Phương Thảo lớp QT902k Trường đại học dân lập Hải phòng.
7. Khoá luận tốt nghiệp, tác giả Nguyễn Thị Liên lớp QT902k Trường đại học dân lập Hải phòng.
8. Một số tài liệu, sổ sách do Công ty TNHH thương mại Chi Lăng cung cấp.

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP	2
1.1. Khái quát chung về hệ thống báo cáo tài chính của Doanh nghiệp.	2
1.1.1. Sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kế toán.	2
1.1.2. Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính.	3
1.1.3. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.	4
1.1.4. Hệ thống báo cáo tài chính của Doanh nghiệp.	5
1.2. Bảng cân đối kế toán và phương pháp lập bảng cân đối kế toán.	9
1.2.1. Mục đích của bảng cân đối kế toán.	9
1.2.2. Nguyên tắc lập và trình bày bảng cân đối kế toán.	9
1.2.3. Cơ sở số liệu lập bảng cân đối kế toán.	10
1.2.4. Nội dung và phương pháp lập bảng cân đối kế toán.	10
1.3. Phân tích tài chính Doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán.	24
1.3.1. Sự cần thiết của phân tích tài chính Doanh nghiệp.	24
1.3.2. Phương pháp phân tích tài chính Doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán.	24
1.3.3. Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán. ...	27
Chương 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHI LĂNG.....	31
2.1. Khái quát chung về công ty.	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.	31
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.	32

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng

2.1.3. Những khó khăn, thuận lợi của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng trong suốt thời gian qua.	33
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.	34
2.1.5. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng. ..	35
2.2. Thực trạng công tác tổ chức lập bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng.	39
2.2.1. Cơ sở số liệu lập bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH thương mại Chi Lăng.	39
2.2.2. Trình tự lập.	39
2.3. Thực trạng công tác tổ chức phân tích tài chính của công ty TNHH thương mại Chi Lăng thông qua bảng cân đối kế toán.	58
Chương 3 : GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.....	60
3.1. Đánh giá thực trạng công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán.....	60
3.1.1. Kết quả đạt được.	60
3.1.2. Hạn chế.	61
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.	63
3.2.1. Ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.	63
3.2.2. Ý kiến nhằm hoàn thiện công tác phân tích bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH thương mại Chi Lăng.	66
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	82